



**TRƯỜNG MẦM NON
BÌNH TRỊ ĐÔNG**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
KHỐI LÁ**

NĂM HỌC 2024 - 2025



KẾ HOẠCH NĂM LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI (1)

NĂM HỌC 2024 – 2025

A. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1. MỤC TIÊU

- Phát triển vận động
- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.(T9, T10)
- Trẻ biết kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn khi thực hiện kỹ năng vận động cơ bản.(T9, T10)
- Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ khi thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.(T9, T10)
- Trẻ biết phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động khi thực hiện kỹ năng vận động cơ bản và tổ chức trong vận động.(T9, T10)
- Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể trong các bài tập vận động
- Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe
- Trẻ có hiểu biết về dinh dưỡng: biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe (T10)
- Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân, biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. (T9, T10)
- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. (T9, T10)
- Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân, biết một số vật dụng, những nơi nguy hiểm, nguy cơ không an toàn và phòng tránh. (T10)
- Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người khác giúp đỡ.
- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.
- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm (T9) - Chỉ số 2. Bật - nhảy xuống từ độ cao 40 - 45cm
- Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m
- Chỉ số 4. Trèo lên, xuống 7 giống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất - Tung bóng lên cao và bắt.(T9)
- Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
- Bật liên tục vào vòng. (T10)
- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô
- Bật qua vật cản 15 - 20cm. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m (T10)
- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. (T10)
- Chỉ số 10. Đi, đập và bắt được bóng bằng 2 tay, nảy 4-5 lần liên tiếp. - Chỉ số 11. Đi thăng bằng được trên ghế thể dục không làm rơi vật đang đội trên đầu (2m x 0,25m x 0,35m) (T10)
- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay

- Ném trứng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m).
- Nhảy lò cò 5m (T9)
- Bò đích dắc qua 7 điểm, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. - Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 - 10 giây.
- Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian .
- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.
- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.
- Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.
- Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.
- * GIỜ SINH HOẠT
- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. (T9, T10)
- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.(T9)
- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván dốc
- Đi nổi bàn chân tiền, lùi (T10)
- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.(T10)
- Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo (T9)
- Chỉ số 6. Tô, đồ theo nét, tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. (T9)
- Chỉ số 7. Xé, cắt theo đường viền thẳng, và cong của các hình vẽ đơn giản
- Chỉ số 8. Ghép và dán các hình đã cắt theo mẫu vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.
- Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.(T9, T10)
- Lắp ráp.(T9, T10)
- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.(T9, T10)
- Bẻ, nắn.(T9)
- Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, buộc dây, cài quai dép, kéo khoá(phéc mơ tuya) (T9)
- Xé, cắt đường vòng cung, theo đường viền của hình vẽ (T10)
- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. (T9)
- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (T10)
- Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. (T10)
- Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
- Đi, chạy thay đổi hướng, tốc độ, dắc dắc theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
- Chỉ số 19. Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày;
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất (T10)

- Nhận biết, nói tên các món ăn các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
- Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.(T9)
- Chỉ số 16. Biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Chỉ số 18. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (T10)
- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
- Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (T10)
- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.(T9)
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
- Chỉ số 17. Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
- Không đùa nghịch, không làm đồ vãi thức ăn (T9)
- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn(T9)
- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
- Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....
- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
- Có ý thức tự phục vụ bản thân: tự mang giày, mặc quần áo, tự cất cặp đúng nơi qui định,...
- Chỉ số 23. Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm khi biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. (T10)
- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...
- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn
- Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.
- Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
- Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm
- Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....
- Biết không tự ý uống thuốc.
- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

* CHỦ ĐỀ

- Nhận biết, phân loại, lựa chọn một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm(chất đạm: thịt,cá, giàu vitamin và muối khoáng: rau quả). (T10)
- Chỉ số 20. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe khi nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...), ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
- Chỉ số 21. Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.

B. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. MỤC TIÊU

- Trẻ nghe hiểu lời nói (T9, T10)
- Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày (T9, T10)
- Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp (T9, T10)
- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo
- Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc (T9, T10)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc (T9, T10)
- Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

• GIỜ HỌC

- Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi: phương tiện giao thông,động vật,thực vật, đồ dùng(đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)
- Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện dành cho lứa tuổi của trẻ. (T9, T10)
- Hiểu từ trái nghĩa.
- Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định

- Đóng kịch , đóng được vai của nhân vật trong truyện
- Chỉ số 77.Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống (T10)
- Chỉ số 120.Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác . Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
- Kể chuyện theo đồ vật
- Chỉ số 82. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,...)
- Chỉ số 85.Biết kể chuyện theo tranh minh họa và theo kinh nghiệm của bản thân.
- Chỉ số 91.Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt . (T9, T10)
- Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

• GIỜ SINH HOẠT

- Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(T9)
- Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi. (T9, T10)
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.(T9, T10)
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, mở rộng, câu phức.
- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể,ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái."
- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
- Chỉ số 65.Nói rõ ràng khi trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? –
- Chỉ số 66.Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm, hình tượng trong sinh hoạt hàng ngày.

- Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp: câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... và bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu
- Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân
- Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động .(T9)
- Chỉ số 70. Kể rõ ràng , có trình tự về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.
- Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .
- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. (T10)
- Kể chuyện theo tranh
- Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì? . (T10)
- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.,
- Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao, tục ngữ, hò vè.(T9)
- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.
- Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, tình huống và nhu cầu giao tiếp
- Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp .
- Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.(T9)
- Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
- Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống .(T9)
- Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy. (T10)

- Chỉ số 117.Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện.
- Chỉ số 83.Có một số hành vi như người đọc sách
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. (T10)
- Chọn sách để “đọc” và xem.
- Làm quen với cách đọc tiếng Việt: Hướng đọc, : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
- Chỉ số 84 .“Đọc” theo truyện tranh, tranh vẽ đã biết.
- Chỉ số 86.Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.
- Chỉ số 87.Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (T10)
- Chỉ số 88.Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái , kí hiệu, tên của mình.(T9)
- Chỉ số 89.Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (T10) - Chỉ số 90.Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.(T9)
- Làm quen với cách viết tiếng Việt + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ .
- Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh .
- Chỉ số 80.Thể hiện sự thích thú với sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

• CHỦ ĐỀ

- Chỉ số 82. Làm quen, nhận ra và biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (biển báo giao thông, đường cho người đi bộ,...)
- Chỉ số 81. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.

C. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. MỤC TIÊU

1.1 Khám phá khoa học

- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các bộ phận của cơ thể con người. (T9)
- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về đồ dùng, đồ chơi. (T10)

- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về một số phương tiện giao thông
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên và hiện tượng tự nhiên.
- Trẻ tò mò tìm tòi và ham hiểu biết khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (T10)
- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.
- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.
- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
- Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. (T10)
- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.(T9)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình

1.2 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Trẻ thể hiện khả năng suy luận khi so sánh, sắp xếp theo qui tắc. Xếp tương ứng.
- Trẻ nhận biết về một số hình hình học (T10)
- Trẻ định hướng trong không gian và có một số nhận biết ban đầu về thời gian.

1.3 Khám phá xã hội

- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về bản thân.
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về gia đình (T10)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về lớp mầm non và cộng đồng.
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội. Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến trong xã hội và nghề truyền thống ở địa phương.(T10)
- Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC SINH HOẠT:

CHỦ ĐỀ:

* Khám phá khoa học

- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. (T9)
- Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng, đồ chơi thông thường theo chất liệu và công dụng; (2 - 3 dấu hiệu) (T10)
- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
- Chỉ số 92. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung, ích lợi và tác hại khi so sánh, phân loại sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Các nguồn nước trong môi trường sống.
- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây...
- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

* Khám phá xã hội

- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.
- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình, số điện thoại (Nếu có)...Khi được hỏi trò chuyện (T10)
- Tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên khi được hỏi, trò chuyện. Tên và đặc điểm, sở thích của các bạn.
- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”

GIỜ HỌC

- Khám phá khoa học
- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

- Chỉ số 93. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên
 - Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán
- Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
- Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.
- Tách, Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi (6,7,8,9,10) thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm(T9,T10) - Chỉ số 106. Biết cách đo, so sánh độ dài các vật và nói kết quả đo.
- - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
- - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
- Chỉ số 116. So sánh, nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc và sao chép lại.
- Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
- Chỉ số 107. Gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
- - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
- Chỉ số 108. Trẻ xác định vị trí của một vật qua lời nói hành động so với một vật khác (bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
- Chỉ số 109. Trẻ gọi đúng tên các ngày các thứ trong tuần theo thứ tự.

SINH HOẠT CHUNG:

- Khám phá khoa học
- ặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.(T10) - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. (T10)
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Chỉ số 94. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (T10). - Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(T9) - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.(T10) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Gọi đúng tên các mùa trong năm.
- Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? (T10) - Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
- Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau
- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện
- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. (T10)
- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.(T9)
- Chỉ số 99.Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(T9,T10)
- Chỉ số 100: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em(T9,T10)
- Chỉ số 101: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(T9, T10)
- Chỉ số 102: Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(T9) - Chỉ số 103: Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình
- * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán
- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.(T9)
- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... (T10)
- - Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.(T9,T10)
- - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (bản số nhà, số xe...)

- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. (T10)
- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp
- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
- Tạo ra quy tắc sắp xếp.
- Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.
- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau
- Chỉ số 110 .Nhận biết, phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.
- - Chỉ số 111. Nói được ngày trên lôc lịch và giờ trên đồng hồ.

* Khám phá xã hội

- Tên,công việc của cô giáo và các bác công nhân viên khi được hỏi, trò chuyện.
- Các hoạt động của trẻ ở trường
- Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (T10) - Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...
- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của một số di tích lịch sử danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

D. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

1.MỤC TIÊU

- Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên và tác phẩm nghệ thuật.
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng, hiểu biết về âm nhạc.(T9, T10)
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng, hiểu biết về tạo hình (T9, T10)
- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình) (T9, T10)

2.HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Chỉ số 100: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em (T9)
- Hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ
- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
- Chỉ số 101 :Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (T9)
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách,nhịp, tiết tấu.
- Chỉ số 6. Tô màu kín, không chừa ngoài đường viền các hình vẽ.(T9)
- Chỉ số 102. Phối hợp và lựa chọn sử dụng các vật liệu tạo hình khác nhau như vật liệu thiên nhiên, phế liệu để làm một sản phẩm đơn giản. (T10)
- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra thành phẩm có bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.(T9)
- Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
- Chỉ số 117. Đặt lời mới cho giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích
- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

* GIỜ SINH HOẠT

-Thể hiện thái độ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.(T9, T10)

- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

-Thể hiện thái độ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc (T9)

- Thích nghe và đọc thơ , đồng dao, ca dao , tục ngữ , thích nghe và kể câu chuyện. (T9, T10)

- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.

- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.

- Chỉ số 38: Thể hiện sự thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) với cái đẹp, của các tác phẩm tạo hình.

-Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) (T10)

- Chỉ số 99: Nghe và nhận ra giai điệu, sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.(T9)

- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn

- Chỉ số 118: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình (T9)

- Chỉ số 119: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau

- Đặt tên cho sản phẩm của mình

E. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI

1.MỤC TIÊU

- Trẻ biết thể hiện sự nhận thức và ý thức về bản thân.(T9, T10)
- Trẻ biết thể hiện sự tự tin, tự lực và tin tưởng vào khả năng của bản thân.(T9, T10)
- Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.(T9, T10)
- Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.
- Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.(T9)
- Trẻ biết thể hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử thích hợp trong xã hội. (T10)
- Trẻ biết quan tâm đến môi trường (T10) 8. .Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác

2.HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Biết quan tâm một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
- Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.
- Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.
- Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn; người khác.
- Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ với bạn bè.
- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
- Chỉ số 54. Biết nói và có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (T10)
- Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", “tốt” - “xấu”.

- Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.
- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. (T10)
- Thích chăm sóc, bảo vệ cây cối, con vật thân thuộc.

* GIỜ SINH HOẠT

- Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình: nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
- Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân: nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. (T10)
- Chỉ số 30. Biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.(T9)
- Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.
- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.(T9)
- Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện, tự hoàn thành công việc được giao đến cùng (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
- Chỉ số 32. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(T9)
- Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày và độc lập trong một số hoạt động: vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...(T10)
- Chỉ số 34. Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân.(T9)
- Chỉ số 37. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (T10)
- Chỉ số 38. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(T9)
- Chỉ số 39. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc
- Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.
- Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.
- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
- Chỉ số 42. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.
- Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.

- Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên.
- Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.
- Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(T9)
- Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(T9)
- Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (T10)
- Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.
- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
- Bỏ rác đúng nơi quy định, biết phân loại rác
- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
- Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.
- Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.
- Chỉ số 60. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.
- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

* CHỦ ĐỀ

Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)

- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở,nơi làm việc...).

- Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.(T9)

- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường), vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. (T10)

- Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (T10) - Giữ gìn vệ sinh môi trường, giảm tải sử dụng túi nylon

F.CHUẨN KẾT HỢP PHỤ HUYNH LỚP MG 5-6 TUỔI

Thể chất

- Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ
- Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo (T9)
- Phụ huynh nên tập cho bé mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau, không mặc áo trái hoặc áo ngược.
- Cho bé tự mặc và cởi được quần.
- Kiểm tra bé mặc quần Không cho 2 chân vào 1 ống.
- Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng
- Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn
- Ở nhà phụ huynh nên cho bé Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo.
- Động viên và kiểm tra bé Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
- Chỉ số 16. Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Phụ huynh nên cho bé tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Động viên và kiểm tra bé rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo. Rửa sạch: không có mùi xà phòng.
- Chỉ số 20. Biết và không ăn , uống một số thứ có hại cho sức khỏe
- Phụ huynh nên nhắc nhở bé không uống nước lã và trái cây chưa rửa sạch
- Tập cho trẻ nhận biết các thức ăn bị ôi thiu
- Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân
- Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;
- Phụ huynh Nhắc nhở bé Người lạ cho quà thì phải xin phép người thân trước khi nhận.
- Nhắc nhở bé người lạ rủ đi thì không theo.

- Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
- Phụ huynh động viên biết bé bày tỏ thái độ không đồng tình.
- Cho trẻ hiểu Đừng hút thuốc vì có hại
- Phụ huynh đừng hút thuốc ở nơi công cộng
- Nói cho bé hiểu Hút thuốc sẽ bị ốm - ho.
- Nhắc nhở bé nên tránh chỗ có người hút thuốc
- Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm
- PH trò chuyện với bé khi trẻ gặp nguy hiểm phải biết kêu cứu , gọi người lớn hoặc nhờ bạn gọi người lớn
- - Hướng dẫn cho bé trong cuộc sống hằng ngày nếu gặp nguy hiểm phải chạy khỏi nơi nguy hiểm , hoặc có những hành động để bảo vệ mình .
- Luôn hỏi trẻ số điện thoại khẩn cấp 113-114-115
- Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm
- - PH trò chuyện với bé 1 số việc thường xuyên gây nguy hiểm cho bản thân trẻ và người khác (xô đẩy bạn khi lên cầu thang , đánh bạn ,...)
- - Hướng dẫn thêm cho bé tránh xa hoặc dùng đồ dùng khác thay thế hoặc nhờ người lớn giúp

Tình cảm-xã hội

- Chuẩn 7. Trẻ thể hiện nhận thức về bản thân
- Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;
- Phụ huynh nên hướng dẫn bé chọn trang phục phù hợp và thường xuyên nhắc nhở bạn gái ngồi ngay ngắn khi mặc váy, bạn trai luôn giúp các bạn gái.
- Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình
- Tập cho bé biết tên của các thành viên trong gia đình, nơi ở, số điện thoại, tên, tuổi của bản thân.
- Chuẩn 8. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội
- Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày (T10)
- Phụ huynh nên cho bé vệ sinh cá nhân mỗi buổi sáng khi thức dậy

- Cho bé dọn dẹp sau khi chơi.
- Cho bé tự chuẩn bị giờ ngủ
- Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(T9)
- Tập cho bé ở nhà nói đủ to để mọi người có thể nghe rõ.
- Động viên bé nhìn thẳng vào mắt người nói chuyện.
- Trò chuyện, khuyến khích, cho trẻ thời gian suy nghĩ trả lời
- Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn
- Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;
- Phụ huynh động viên, nhắc nhở bé Sẵn sàng chia sẻ đồ chơi cho mẹ hay với người lớn.
- Khuyến khích bé chủ động giúp mọi người
- Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội
- Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.
- Phụ huynh nhắc nhở bé giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường
- Nhắc nhở bé biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày, ở nhà và ở trường
- Nhắc nhở bé không xả rác , thấy rác nhặt lên và khuyến khích bé biết nhắc nhở người khác không xả rác
- Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc
- Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (T9, T1)
- Thường xuyên nhắc nhở bé biết giữ im lặng khi người lớn đang nghỉ ngơi
- Tập cho bé biểu hiện cảm xúc vui buồn đúng chỗ
- Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tích cực khi được an ủi, giải thích
- Tập cho trẻ biết dùng lời diễn tả cảm xúc khó chịu, sự tức giận để giải quyết sự trong sinh hoạt hàng ngày
- Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác
- Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình

- Phụ huynh động viên khuyến khích trẻ nói lên sở thích của mình và của người khác
- Luôn khen ngợi sản phẩm của trẻ
- Giúp cho trẻ hiểu các từ mà vùng miền điều sử dụng giống nhau VD : Mẹ

Ngôn ngữ

- Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp
- Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.
- Phụ huynh nên tập cho bé nói đầu đủ tình tiết sự việc theo trình tự logic nhất định.
- Khuyến khích bé miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh.
- Động viên bé miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
- Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định
- Phụ huynh động viên bé kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ và bạn
- Tập cho bé hiểu được một cách đơn giản tính cách của các nhân vật thời gian, địa điểm, phần kết thúc và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc lại chuyện đó.
- Tạo cơ hội cho bé thể hiện sự Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
- Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp
- Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện(T9)
- Phụ huynh nên tập cho bé giữ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.
- Nhắc nhở bé Không nói leo, nói trống không và ngắt lời người khác.
- Khuyến khích bé thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
- Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;
- Phụ huynh nên động viên bé biết dùng câu hỏi để hỏi lại.
- Tập cho bé Có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ nét mặt để làm rõ thông tin khi nghe mà không hiểu

- Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (T9, T10)
- Phụ huynh nên động viên bé sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như " tạm biệt", "xin chào"
- Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy. (T10)
- Phụ huynh luôn là tấm gương trong giao tiếp
- Tránh cho bé tiếp xúc với môi trường không lành mạnh
- Nhắc nhở và điều chỉnh bé khi trẻ nói bậy
- Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc
- Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;
- Phụ huynh nên dành thời gian thường chơi với bé ở góc đọc sách, hay tìm sách.
- Khuyến khích bé Bắt chước viết hay đề nghị người khác đọc cho nghe.
- Động viên, nhắc nhở , kiểm tra bé Chú ý đến hành động viết của người lớn.
- Tập cho bé Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu những từ đơn giản.
- Chỉ số 80. Thể hiện sự thích thú với sách
- Phụ huynh nên cho bé thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách chuyện, kể chuyện, làm sách.
- Động viên bé hứng thú nhiệt tình tham gia các hoạt động, kể chuyện theo sách ở lớp.
- Phụ huynh nên dành thời gian dẫn bé đi nhà sách hàng tuần thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách...
- Phụ huynh cho bé mang sách chuyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi và trao đổi về chuyện được nghe đọc.
- Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc
- Chỉ số 84. “Đọc” theo truyện tranh đã biết
- Phụ huynh nên khuyến khích bé kể chuyện theo sách đã được đọc hoặc kể.
- Động viên bé Đọc sách theo sáng kiến của mình.
- Động viên bé nói được ý nghĩa của một số từ quen thuộc.

- Động viên, khuyến khích bé Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân.
- Phụ huynh nên tập cho bé Khi nghe đọc truyện trẻ có thể trả lời các câu hỏi.
- Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.
- Phụ huynh nên tập cho bé nhìn vào tranh vẽ trẻ có thể hiểu nội dung.VD truyện này là cô bé quàng khăn đỏ
- Khuyến khích bé nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh, diễn đạt nội dung câu chuyện.
- Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu của việc viết
- Chỉ số 91. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (T9, T10)
- Phụ huynh nên cho bé Nhận biết chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hằng ngày.
- Cho bé Biết mỗi chữ có tên, hình dạng và cách phát âm riêng.
- Tập cho bé Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng chữ cái đó.
- Tập cho bé phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.

Nhận thức

- Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên
- Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
- Phụ huynh nên cho bé nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.
- Tập cho bé giải thích sự dự đoán của mình.
- Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội
- Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống (T10)
- Phụ huynh dẫn bé đi chơi và khuyến khích bé kể tên những khu vui chơi- trường học - nơi mua sắm gần nơi trẻ sống.
- Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
- Tập cho bé nói Sản phẩm - công cụ của nghề mà trẻ được nhìn thấy
- Phụ huynh nên dẫn bé tham quan nghề phổ biến nơi bé sống

- Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình
- Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (T10)
- Tập cho bé Thể hiện nét mặt, vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát bản nhạc.
- PH thường xuyên cho bé nghe nhạc để trẻ cảm nhận được giai điệu của bản nhạc
- Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo
- Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (T9, T10)
- Phụ huynh nên tập cho bé đếm và nói đúng số lượng trong cuộc sống hằng ngày
- Cho bé tự Đọc các chữ số từ 1-9 trong cuộc sống
- Phụ huynh dành thời gian chơi với bé giúp bé Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được .
- Chuẩn 24. Trẻ nhận biết một số hình hình học và định hướng không gian
- Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.
- Phụ huynh nên tập cho bé nói được vị trí của 1 vật so với một vật khác trong không gian.
- Động viên bé nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng cho ba mẹ nghe
- Cho bé tự đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu.
- Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian
- Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
- Động viên bé Nói được ngày trong tuần theo thứ tự.
- Tập cho bé nhận biết Ngày nào đi học - ngày nào nghỉ học.
- Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;
- Ở nhà phụ huynh thường hỏi bé để giúp bé Nói được hôm nay - hôm qua - ngày mai là thứ mấy?
- Tập cho bé Nói được hôm qua làm việc gì? Hôm nay làm việc gì? Mẹ dặn - cô dặn ngày mai làm gì?

- Chỉ số 111. Nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ.
- Cho bé Biết lịch - đồng hồ dùng để làm gì?
- Phụ huynh thường xuyên hỏi bé, khuyến khích bé Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.

G.KẾ HOẠCH VUI CHƠI

TRÒ CHƠI SÁNG TẠO

I. TRÒ CHƠI XÂY DỰNG :

1/ Hoạt động kiến tạo mô hình:

Ý tưởng xây dựng:

- Hình dung tương đối rõ ràng trước khi chơi : tên gọi, cấu trúc công trình đơn giản.
- Hình dung rõ ràng trước khi chơi : tên gọi, cấu trúc, vật liệu sẽ sử dụng.
- Có ý tưởng về mô hình sẽ xây dựng trước khi chơi.
- Có ý tưởng về MHXD độc đáo, khác lạ.
- Trẻ biết tính toán, cân nhắc từ đầu định làm gì, những đồ chơi vật liệu, cái nào làm trước, cái nào làm sau, nếu chơi chung với bạn thì sẽ phân công như thế nào?
- Có khả năng thực hiện công trình theo sơ đồ đơn giản.
- Có khả năng thực hiện công trình phức tạp, chi tiết hơn.
- Tự phác họa sơ đồ với sự hỗ trợ giúp đỡ của cô.

Kỹ năng xây dựng:

- Sử dụng nhiều vật liệu khác nhau để xây dựng mô hình.
- Biết sử dụng các loại “vật liệu xây dựng” khác nhau để “gia công” và phát triển mô hình xây dựng.
- Giải quyết tình huống có vấn đề đặt ra khi chơi (khi thiếu vật liệu biết dùng vật thay thế).
- Đặt các chi tiết sát cạnh, chồng khít liên tục với nhau. tính đến các yêu cầu cho trước về độ lớn về tương quan vị trí với các vật khác ở không gian bên ngoài.

- Phối hợp các hành động xếp chồng và đặt các chi tiết hình khối cạnh nhau để tạo ra mô hình cao và thuần thực hơn, nhiều chi tiết hơn.

- Sửa sang, thêm vào các chi tiết làm cho mô hình đẹp hơn, hài hòa cân đối hơn.

- Trò chơi có sự đan xen với trò chơi khác (xây nhà chơi gia đình, làm sân khấu đóng kịch).

- Sáng tạo trong phối hợp các thao tác xếp chồng và đặt cạnh để tạo ra mô hình xây dựng hình khối đặc.

- Xây dựng mô hình có không gian rộng để chứa đựng chi tiết bên trong.

Quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc:

- Trẻ biết cảm nhận sự cân đối hài hòa về hình dạng kích thước.

- Sắp xếp các chi tiết công trình xây dựng cách hài hoà, cân đối.

- Trẻ quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc.

- Biết điều chỉnh tạo sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc cho phù hợp.

2/ Mô hình xây dựng:

- Mô hình là những công trình đơn lẻ nhưng có cấu trúc vững chắc.

- Mô hình là công trình với nhiều hạng mục liên quan với nhau.

- Mô hình phát triển trong không gian ba chiều

- Mô hình hài hòa cân đối: trẻ quan tâm đến tỉ lệ kích thước giữa các bộ phận công trình.

- Mô hình sắc sảo (hoạ tiết trang trí, hài hoà về màu sắc, kích thước) vững chãi

- Mô hình có chi tiết độc đáo khác lạ

3/ Phối hợp với bạn trong nhóm chơi:

Biểu hiện:

- Quan hệ với trẻ bình đẳng hợp tác có thái độ thân mật hòa nhã với bạn khi chơi

- Biết chơi cùng nhau, không tranh giành đồ chơi
- Hứng thú tham gia trò chơi cùng với bạn
- Biết rủ nhau cùng chơi, thoả thuận về MHXD với sự gợi ý hỗ trợ của cô.
- Thực hiện vai chơi theo đúng sự phân công của nhóm.
- Mô hình có chi tiết độc đáo khác lạ
- Trao đổi và lắng nghe ý kiến của nhau.
- Xem mô hình xây dựng là kết quả chung của cả nhóm.
- Cùng nhau thu dọn đồ chơi sau khi chơi.

Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi :

- Có sự phối hợp tương đối bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm chơi.
- Phối hợp bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm
- Nhóm chơi tương đối có sự liên kết với nhau.
- Nhóm chơi liên kết.

Nhóm chơi quen thuộc với nhau:

- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.

4/ Khả năng tự lực khi chơi:

- Trẻ chơi cần có sự trợ giúp thường xuyên của giáo viên.
- Trẻ chủ động chơi nhưng vẫn có sự gợi ý của giáo viên.
- Trẻ tự chơi ở mức chủ động.
- Có sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi.

Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định "

II. TRÒ CHƠI GIẢ BỘ CÓ CỐT CHUYỆN

1. Nội dung cốt chuyện của trò chơi (NDCC)

- Hiện thực đa dạng được phản ánh trong trò chơi: Sinh hoạt của trẻ, ngành nghề lao động của người lớn, sự kiện xã hội, sự kiện giả tưởng...
- Trẻ chơi một cách tự do.

- Trẻ chơi ngẫu hứng.
- Chơi có NDCC: Đề tài sinh hoạt thường ngày, sự kiện đã từng xảy ra với trẻ
- Mở rộng đề tài lao động
- Đề tài chơi phản ánh cả đời sống chính trị - xã hội.
- Ý tưởng chơi độc đáo, đa dạng.
- Mức độ phong phú của các tình tiết NDCC
- NDCC đơn giản
- Xuất hiện thêm 1 số tình tiết
- Trẻ chơi với NDCC chứa đựng những yếu tố tưởng tượng
- phong phú, đa dạng "
- Mức độ sâu sắc của NDCC
- Nội dung chơi của trẻ chứa đựng nhiều biểu hiện tính chất quan hệ, thái độ, tính cách của mọi người
- Các diễn biến của nội dung chơi ngày càng hợp lý, mạch lạc và chủ động "
- Trẻ chơi với những hành động kế tiếp nhau ngày càng mạch lạc, tạo thành chuỗi tình tiết bằng cốt chuyện chơi. Có sự gắn kết giữa các tình tiết của NDCC
- Khi tham gia TC, trẻ tạo nên sự gắn kết độc đáo, sáng tạo giữa các tình tiết của NDCC"
- Có những tình tiết độc đáo từ nhiều nguồn phong phú
- Trẻ chơi với những tình tiết đơn giản chưa phong phú.
- NDCC chứa đựng các tình tiết sáng tạo, ngẫu hứng.
- Biết tạo ra những tình tiết bất ngờ, thú vị trong quá trình chơi

2. Kỹ năng chơi giả bộ

- Tình huống giả bộ (THGB) đa dạng, phong phú
- Trẻ chơi với tình huống giả bộ 1 cách ngẫu hứng hoặc do cô gợi ý.
- Trẻ sử dụng tình huống quen thuộc để giải thích hành động chơi

- Trẻ chơi với tình huống tưởng tượng. Tự đưa ra tình huống ngày càng phong phú để chơi tiếp
- Sử dụng vật thay thế trong trò chơi khi có nhu cầu.
- Trẻ sử dụng VTT để chơi khi được sự gợi ý của cô.
- Trẻ dùng một đồ vật thay cho một vài đồ vật khác Tự đưa thêm VTT khi chơi ngày một nhiều: biết dùng một
- vài đồ vật thay cho một vật"
- Đóng vai người khác khi chơi
- Trẻ đóng được một số vai người khác khi chơi, thể hiện nhiều hành động khác nhau khi chơi
- Biết nhận vai, xưng vai khi chơi, chơi nhiều vai khác nhau
- Thực hiện những hành động phù hợp với vai chơi đã nhận
- Linh hoạt thay đổi vai chơi phù hợp THGB
- Trẻ thay đổi vai chơi khi thấy không phù hợp.
- Trẻ biết đổi vai chơi với bạn tùy vào tình huống chơi.
- Linh hoạt đổi vai chơi tùy thuộc vào sự phát triển của NDCC
- Biểu hiện sáng tạo, độc đáo của THGB, trong sử dụng VTT hoặc trong việc thực hiện các hành động vai (ngôn ngữ, hành động, nét mặt...)
- Biết thể hiện hành động vai nhưng chưa có sự sáng tạo.
- Trẻ biết thể hiện hành động vai và biết sử dụng VTT phù hợp với tình huống chơi
- " + Biết tự kết hợp một số hành động thành một cốt chuyện cho trò chơi"
- Sáng tạo trong việc sử dụng VTT và sử dụng nhiều phương tiện để thể hiện: đồ chơi, hành động, điệu bộ, nét mặt, giọng nói...

3. Phối hợp với bạn trong tổ chức trò chơi

- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về trò chơi và chuẩn bị đồ chơi, nơi chơi....cho trò chơi chung"
- Trẻ chơi một mình.
- Trẻ biết rủ bạn cùng chơi

- Tự rủ nhóm bạn cùng chơi, biết cách phối hợp với bạn để tổ chức TC chung
- Trước khi chơi, trẻ tự thỏa thuận vai chơi, nội dung chơi cùng chuẩn bị đồ chơi, sắp xếp nơi chơi"
 - Phối hợp trong nhóm khi chơi: chia sẻ/lắng nghe/chấp thuận ý tưởng của bạn; phối hợp hành động phù hợp tình huống chơi
 - Trẻ chưa kết nhóm khi chơi.
 - Chấp nhận bạn chơi chung và chơi cùng bạn.
 - Biết lắng nghe ý kiến của bạn.
 - Thể hiện thái độ thân ái, giúp đỡ bạn. Chia sẻ với bạn chơi tình huống tưởng tượng và tiếp nhận tình huống đó từ bạn
 - Quan tâm đến hứng thú, ý tưởng của bạn.
 - Biết phối hợp hành động chơi cùng với bạn
 - Cùng kết thúc, thu dọn đồ chơi
 - Trẻ tự thu dọn đồ chơi sau khi chơi
 - Có sự hỗ trợ nhau khi kết thúc giờ chơi: cùng thu dọn đồ chơi
 - Nhắc nhở bạn thu dọn đồ chơi.
 - Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi (bình đẳng/không bình đẳng); nhóm chơi liên kết, rời rạc
 - Chưa có sự phối hợp với bạn chơi.
 - Các thành viên trong nhóm chơi có sự phối hợp, liên kết nhưng không thường xuyên
 - Trẻ liên kết với nhau thường xuyên hơn để thực hiện hành động chơi
 - Trẻ biết phối hợp ăn ý với nhau để cùng chơi.
 - Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.
 - Trẻ chưa chơi với nhóm, không chấp nhận bạn mới chơi chung
 - Trẻ chơi với các bạn trong nhóm chơi quen thuộc.
 - Chấp nhận và có sự hỗ trợ bạn mới khi bạn gia nhập nhóm

4. Khả năng tự lực khi chơi

- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động, ở mức “chủ động nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV” và ở mức “cần sự trợ giúp thường xuyên của GV
- Trẻ chơi nhưng cần sự trợ giúp thường xuyên của GV.
- Tự chơi nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV.
- Tự thành lập nhóm chơi và phân vai chơi.
- Trẻ chơi hoàn toàn chủ động: biết bắt đầu và triển khai trò chơi
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi
- Tự chơi nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV.
- Biết xử trí tình huống phát sinh trong khi chơi.
- Nảy sinh ý tưởng cốt chuyện để chơi, tự xác lập và tuân theo các qui tắc chơi
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi quy định
- Trẻ có thói quen tự lấy, cất đồ chơi.
- Trẻ biết sắp xếp đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng, ngăn nắp và đúng nơi quy định"

B. TRÒ CHƠI CÓ LUẬT:

1. Thực hiện hành động chơi:

- Nỗ lực, hứng thú:
- Làm quen với bạn, trò chơi, khu vực chơi.
- Thích tham gia trò chơi.
- Hứng thú khi tham gia trò chơi, chơi 1 cách tích cực.
- Cố gắng thực hiện nhiệm vụ.
- Chủ động rủ nhau chơi.
- Chủ động thỏa thuận lựa chọn nội dung trò chơi.
- Tự nghĩ ra cách chơi, luật chơi khi tham gia chơi.
- Đúng phù hợp với mục tiêu:
- Thực hiện đúng cách chơi, luật chơi theo yêu cầu của trò chơi.

- Thực hiện đúng cách chơi, luật chơi theo sự thỏa thuận.
- Thành thạo (trò chơi quen thuộc).
- Thành thạo trò chơi quen thuộc.
- Sáng tạo những trò chơi quen thuộc.
- Hợp lí :
- Thực hiện hành động phù hợp với trò chơi.
- Hoạt động chơi có mức độ phức tạp phù hợp
- Hoạt động chơi có mức độ phù hợp.
- Hoạt động chơi có mức độ khó dần.

2. Tuân thủ qui tắc chơi:

- Thực hiện luật chơi theo sự kiểm soát của cô.
- Trẻ tự giám sát lẫn nhau và tự lực thực hiện đúng theo luật chơi- cách chơi.
- Qui định cách chơi và trình tự hành động
- Qui định sự phối hợp hành động giữa các thành viên của trò chơi.
- Qui định giới hạn không gian hoặc loại trừ 1 số kiểu hành động.
- Qui định cách thưởng phạt.

3. Phối hợp với bạn:

- Biểu hiện:
- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về cách chơi:
- Rủ các bạn trong nhóm bạn bé thích.
- Rủ những bạn có cùng sở thích tham gia trò chơi.
- Khi chơi thực hiện như thỏa thuận:
- Thỏa thuận chơi theo luật chơi.
- Thay đổi luật chơi theo trẻ.
- Nhắc nhở, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của nhau:
- Quan sát và nhắc nhở bạn.

- Chấp nhận sửa sai theo luật chơi.
- Nhường nhịn vì trò chơi chung.
- Hứng thú khi được chơi với nhau.
- Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi, thực hiện nội dung chơi trong quá trình chơi.
- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới:
- Chơi với nhóm quen thuộc.
- Chấp nhận bạn khác gia nhập
- Mời bạn cùng chơi.

4. Khả năng tự lực khi chơi:

- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi đúng nơi qui định.
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng.
- Tự chơi ở mức chủ động có sự gợi ý hỗ trợ của giáo viên.
- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động.
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi.

KẾ HOẠCH NĂM LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI (2)

NĂM HỌC 2024 – 2025

A. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1. MỤC TIÊU

- Phát triển vận động
- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.(T9, T10)
- Trẻ biết kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn khi thực hiện kỹ năng vận động cơ bản.(T9, T10)
- Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ khi thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.(T9, T10)
- Trẻ biết phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động khi thực hiện kỹ năng vận động cơ bản và tổ chức trong vận động.(T9, T10)
- Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể trong các bài tập vận động
- Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe
- Trẻ có hiểu biết về dinh dưỡng: biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe (T10)
- Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân, biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. (T9, T10)
- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. (T9, T10)
- Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân, biết một số vật dụng, những nơi nguy hiểm, nguy cơ không an toàn và phòng tránh. (T10)
- Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người khác giúp đỡ.
- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.
- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm (T9) - Chỉ số 2. Bật - nhảy xuống từ độ cao 40 - 45cm
- Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m
- Chỉ số 4. Trèo lên, xuống 7 giống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất - Tung bóng lên cao và bắt.(T9)
- Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
- Bật liên tục vào vòng. (T10)
- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô
- Bật qua vật cản 15 - 20cm. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m (T10)
- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. (T10)
- Chỉ số 10. Đi, đập và bắt được bóng bằng 2 tay, nảy 4-5 lần liên tiếp. - Chỉ số 11. Đi thăng bằng được trên ghế thể dục không làm rơi vật đang đội trên đầu (2m x 0,25m x 0,35m) (T10)
- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay

- Ném trứng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m).
- Nhảy lò cò 5m (T9)
- Bò đích dắc qua 7 điểm, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. - Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 - 10 giây.
- Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian .
- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.
- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.
- Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.
- Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.
- * GIỜ SINH HOẠT
- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. (T9, T10)
- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.(T9)
- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván dốc
- Đi nổi bàn chân tiền, lùi (T10)
- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.(T10)
- Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo (T9)
- Chỉ số 6. Tô, đồ theo nét, tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. (T9)
- Chỉ số 7. Xé, cắt theo đường viền thẳng, và cong của các hình vẽ đơn giản
- Chỉ số 8. Ghép và dán các hình đã cắt theo mẫu vào đúng vị trí cho trước, không bị nhẵn.
- Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.(T9, T10)
- Lắp ráp.(T9, T10)
- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.(T9, T10)
- Bẻ, nắn.(T9)
- Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, buộc dây, cài quai dép, kéo khoá(phéc mơ tuya) (T9)
- Xé, cắt đường vòng cung, theo đường viền của hình vẽ (T10)
- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. (T9)
- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (T10)
- Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. (T10)
- Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
- Đi, chạy thay đổi hướng, tốc độ, dắc dắc theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
- Chỉ số 19. Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày;
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất (T10)

- Nhận biết, nói tên các món ăn các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
- Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.(T9)
- Chỉ số 16. Biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Chỉ số 18. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (T10)
- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
- Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (T10)
- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.(T9)
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
- Chỉ số 17. Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
- Không đùa nghịch, không làm đồ vãi thức ăn (T9)
- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn(T9)
- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
- Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....
- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
- Có ý thức tự phục vụ bản thân: tự mang giày, mặc quần áo, tự cất cặp đúng nơi qui định,...
- Chỉ số 23. Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm khi biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. (T10)
- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...
- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn
- Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.
- Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
- Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm
- Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....
- Biết không tự ý uống thuốc.
- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

* CHỦ ĐỀ

- Nhận biết, phân loại, lựa chọn một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm(chất đạm: thịt,cá, giàu vitamin và muối khoáng: rau quả). (T10)
- Chỉ số 20. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe khi nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...), ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
- Chỉ số 21. Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.

B. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. MỤC TIÊU

- Trẻ nghe hiểu lời nói (T9, T10)
- Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày (T9, T10)
- Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp (T9, T10)
- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo
- Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc (T9, T10)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc (T9, T10)
- Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

• GIỜ HỌC

- Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi: phương tiện giao thông,động vật,thực vật, đồ dùng(đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)
- Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện dành cho lứa tuổi của trẻ. (T9, T10)
- Hiểu từ trái nghĩa.
- Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định

- Đóng kịch , đóng được vai của nhân vật trong truyện
- Chỉ số 77.Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống (T10)
- Chỉ số 120.Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác . Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
- Kể chuyện theo đồ vật
- Chỉ số 82. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,...)
- Chỉ số 85.Biết kể chuyện theo tranh minh họa và theo kinh nghiệm của bản thân.
- Chỉ số 91.Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt . (T9, T10)
- Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

• GIỜ SINH HOẠT

- Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(T9)
- Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi. (T9, T10)
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.(T9, T10)
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, mở rộng, câu phức.
- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể,ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái."
- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
- Chỉ số 65.Nói rõ ràng khi trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? –
- Chỉ số 66.Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm, hình tượng trong sinh hoạt hàng ngày.

- Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp: câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... và bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu
- Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân
- Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động .(T9)
- Chỉ số 70. Kể rõ ràng , có trình tự về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.
- Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .
- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. (T10)
- Kể chuyện theo tranh
- Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì? . (T10)
- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.,
- Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao, tục ngữ, hò vè.(T9)
- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.
- Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, tình huống và nhu cầu giao tiếp
- Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp .
- Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.(T9)
- Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
- Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống .(T9)
- Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy. (T10)

- Chỉ số 117.Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện.
- Chỉ số 83.Có một số hành vi như người đọc sách
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. (T10)
- Chọn sách để “đọc” và xem.
- Làm quen với cách đọc tiếng Việt: Hướng đọc, : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
- Chỉ số 84 .“Đọc” theo truyện tranh, tranh vẽ đã biết.
- Chỉ số 86.Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.
- Chỉ số 87.Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (T10)
- Chỉ số 88.Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái , kí hiệu, tên của mình.(T9)
- Chỉ số 89.Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (T10) - Chỉ số 90.Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.(T9)
- Làm quen với cách viết tiếng Việt + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ .
- Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh .
- Chỉ số 80.Thể hiện sự thích thú với sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

• CHỦ ĐỀ

- Chỉ số 82. Làm quen, nhận ra và biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (biển báo giao thông, đường cho người đi bộ,...)
- Chỉ số 81. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.

C. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. MỤC TIÊU

1.1 Khám phá khoa học

- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các bộ phận của cơ thể con người. (T9)
- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về đồ dùng, đồ chơi. (T10)

- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về một số phương tiện giao thông
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên và hiện tượng tự nhiên.
- Trẻ tò mò tìm tòi và ham hiểu biết khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (T10)
- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.
- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.
- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
- Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. (T10)
- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.(T9)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình

1.2 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Trẻ thể hiện khả năng suy luận khi so sánh, sắp xếp theo qui tắc. Xếp tương ứng.
- Trẻ nhận biết về một số hình hình học (T10)
- Trẻ định hướng trong không gian và có một số nhận biết ban đầu về thời gian.

1.3 Khám phá xã hội

- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về bản thân.
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về gia đình (T10)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về lớp mầm non và cộng đồng.
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội. Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến trong xã hội và nghề truyền thống ở địa phương.(T10)
- Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC SINH HOẠT:

CHỦ ĐỀ:

* Khám phá khoa học

- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. (T9)
- Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng, đồ chơi thông thường theo chất liệu và công dụng; (2 - 3 dấu hiệu) (T10)
- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
- Chỉ số 92. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung, ích lợi và tác hại khi so sánh, phân loại sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Các nguồn nước trong môi trường sống.
- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây...
- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

* Khám phá xã hội

- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.
- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình, số điện thoại (Nếu có)...Khi được hỏi trò chuyện (T10)
- Tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên khi được hỏi, trò chuyện. Tên và đặc điểm, sở thích của các bạn.
- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...”

GIỜ HỌC

- Khám phá khoa học
- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

- Chỉ số 93. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên
 - Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán
- Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
- Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.
- Tách, Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi (6,7,8,9,10) thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm(T9,T10) - Chỉ số 106. Biết cách đo, so sánh độ dài các vật và nói kết quả đo.
- - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
- - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
- Chỉ số 116. So sánh, nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc và sao chép lại.
- Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
- Chỉ số 107. Gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
- - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
- Chỉ số 108. Trẻ xác định vị trí của một vật qua lời nói hành động so với một vật khác (bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
- Chỉ số 109. Trẻ gọi đúng tên các ngày các thứ trong tuần theo thứ tự.

SINH HOẠT CHUNG:

- Khám phá khoa học
- ặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.(T10) - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. (T10)
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Chỉ số 94. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (T10). - Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(T9) - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.(T10) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Gọi đúng tên các mùa trong năm.
- Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? (T10) - Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
- Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau
- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện
- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. (T10)
- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.(T9)
- Chỉ số 99.Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(T9,T10)
- Chỉ số 100: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em(T9,T10)
- Chỉ số 101: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(T9, T10)
- Chỉ số 102: Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(T9) - Chỉ số 103: Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình
- * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán
- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.(T9)
- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... (T10)
- - Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.(T9,T10)
- - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (bản số nhà, số xe...)

- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. (T10)
- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp
- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
- Tạo ra quy tắc sắp xếp.
- Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.
- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau
- Chỉ số 110 .Nhận biết, phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.
- - Chỉ số 111. Nói được ngày trên lôc lịch và giờ trên đồng hồ.

* Khám phá xã hội

- Tên,công việc của cô giáo và các bác công nhân viên khi được hỏi, trò chuyện.
- Các hoạt động của trẻ ở trường
- Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (T10) - Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...
- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của một số di tích lịch sử danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

D. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

1.MỤC TIÊU

- Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên và tác phẩm nghệ thuật.
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng, hiểu biết về âm nhạc.(T9, T10)
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng, hiểu biết về tạo hình (T9, T10)
- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình) (T9, T10)

2.HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Chỉ số 100: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em (T9)
- Hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ
- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
- Chỉ số 101 :Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (T9)
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách,nhịp, tiết tấu.
- Chỉ số 6. Tô màu kín, không chừa ngoài đường viền các hình vẽ.(T9)
- Chỉ số 102. Phối hợp và lựa chọn sử dụng các vật liệu tạo hình khác nhau như vật liệu thiên nhiên, phế liệu để làm một sản phẩm đơn giản. (T10)
- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra thành phẩm có bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.(T9)
- Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
- Chỉ số 117. Đặt lời mới cho giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích
- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

* GIỜ SINH HOẠT

-Thể hiện thái độ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.(T9, T10)

- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

-Thể hiện thái độ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc (T9)

- Thích nghe và đọc thơ , đồng dao, ca dao , tục ngữ , thích nghe và kể câu chuyện. (T9, T10)

- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.

- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.

- Chỉ số 38: Thể hiện sự thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) với cái đẹp, của các tác phẩm tạo hình.

-Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) (T10)

- Chỉ số 99: Nghe và nhận ra giai điệu, sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.(T9)

- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn

- Chỉ số 118: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình (T9)

- Chỉ số 119: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau

- Đặt tên cho sản phẩm của mình

E. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI

1.MỤC TIÊU

- Trẻ biết thể hiện sự nhận thức và ý thức về bản thân.(T9, T10)
- Trẻ biết thể hiện sự tự tin, tự lực và tin tưởng vào khả năng của bản thân.(T9, T10)
- Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.(T9, T10)
- Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.
- Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.(T9)
- Trẻ biết thể hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử thích hợp trong xã hội. (T10)
- Trẻ biết quan tâm đến môi trường (T10) 8. .Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác

2.HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Biết quan tâm một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
- Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.
- Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.
- Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn; người khác.
- Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ với bạn bè.
- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
- Chỉ số 54. Biết nói và có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (T10)
- Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".

- Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.
- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. (T10)
- Thích chăm sóc, bảo vệ cây cối, con vật thân thuộc.

* GIỜ SINH HOẠT

- Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình: nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
- Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân: nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. (T10)
- Chỉ số 30. Biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.(T9)
- Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.
- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.(T9)
- Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện, tự hoàn thành công việc được giao đến cùng (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
- Chỉ số 32. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(T9)
- Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày và độc lập trong một số hoạt động: vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...(T10)
- Chỉ số 34. Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân.(T9)
- Chỉ số 37. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (T10)
- Chỉ số 38. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(T9)
- Chỉ số 39. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc
- Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.
- Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.
- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
- Chỉ số 42. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.
- Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.

- Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên.
- Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.
- Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(T9)
- Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(T9)
- Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (T10)
- Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.
- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
- Bỏ rác đúng nơi quy định, biết phân loại rác
- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
- Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.
- Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.
- Chỉ số 60. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.
- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

* CHỦ ĐỀ

Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)

- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở,nơi làm việc...).
- Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.(T9)
- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường), vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. (T10)

- Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (T10) - Giữ gìn vệ sinh môi trường, giảm tải sử dụng túi nylon

F.CHUẨN KẾT HỢP PHỤ HUYNH LỚP MG 5-6 TUỔI

Thể chất

- Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ
- Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo (T9)
- Phụ huynh nên tập cho bé mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau, không mặc áo trái hoặc áo ngược.
- Cho bé tự mặc và cởi được quần.
- Kiểm tra bé mặc quần Không cho 2 chân vào 1 ống.
- Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng
- Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn
- Ở nhà phụ huynh nên cho bé Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo.
- Động viên và kiểm tra bé Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
- Chỉ số 16. Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Phụ huynh nên cho bé tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Động viên và kiểm tra bé rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo. Rửa sạch: không có mùi xà phòng.
- Chỉ số 20. Biết và không ăn , uống một số thứ có hại cho sức khỏe
- Phụ huynh nên nhắc nhở bé không uống nước lã và trái cây chưa rửa sạch
- Tập cho trẻ nhận biết các thức ăn bị ôi thiu
- Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân
- Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;
- Phụ huynh Nhắc nhở bé Người lạ cho quà thì phải xin phép người thân trước khi nhận.
- Nhắc nhở bé người lạ rủ đi thì không theo.

- Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
- Phụ huynh động viên biết bé bày tỏ thái độ không đồng tình.
- Cho trẻ hiểu Đừng hút thuốc vì có hại
- Phụ huynh đừng hút thuốc ở nơi công cộng
- Nói cho bé hiểu Hút thuốc sẽ bị ốm - ho.
- Nhắc nhở bé nên tránh chỗ có người hút thuốc
- Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm
- PH trò chuyện với bé khi trẻ gặp nguy hiểm phải biết kêu cứu , gọi người lớn hoặc nhờ bạn gọi người lớn
- - Hướng dẫn cho bé trong cuộc sống hằng ngày nếu gặp nguy hiểm phải chạy khỏi nơi nguy hiểm , hoặc có những hành động để bảo vệ mình .
- Luôn hỏi trẻ số điện thoại khẩn cấp 113-114-115
- Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm
- - PH trò chuyện với bé 1 số việc thường xuyên gây nguy hiểm cho bản thân trẻ và người khác (xô đẩy bạn khi lên cầu thang , đánh bạn ,...)
- - Hướng dẫn thêm cho bé tránh xa hoặc dùng đồ dùng khác thay thế hoặc nhờ người lớn giúp

Tình cảm-xã hội

- Chuẩn 7. Trẻ thể hiện nhận thức về bản thân
- Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;
- Phụ huynh nên hướng dẫn bé chọn trang phục phù hợp và thường xuyên nhắc nhở bạn gái ngồi ngay ngắn khi mặc váy, bạn trai luôn giúp các bạn gái.
- Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình
- Tập cho bé biết tên của các thành viên trong gia đình, nơi ở, số điện thoại, tên, tuổi của bản thân.
- Chuẩn 8. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội
- Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày (T10)
- Phụ huynh nên cho bé vệ sinh cá nhân mỗi buổi sáng khi thức dậy

- Cho bé dọn dẹp sau khi chơi.
- Cho bé tự chuẩn bị giờ ngủ
- Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(T9)
- Tập cho bé ở nhà nói đủ to để mọi người có thể nghe rõ.
- Động viên bé nhìn thẳng vào mắt người nói chuyện.
- Trò chuyện, khuyến khích, cho trẻ thời gian suy nghĩ trả lời
- Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn
- Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;
- Phụ huynh động viên, nhắc nhở bé Sẵn sàng chia sẻ đồ chơi cho mẹ hay với người lớn.
- Khuyến khích bé chủ động giúp mọi người
- Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội
- Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.
- Phụ huynh nhắc nhở bé giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường
- Nhắc nhở bé biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày, ở nhà và ở trường
- Nhắc nhở bé không xả rác , thấy rác nhặt lên và khuyến khích bé biết nhắc nhở người khác không xả rác
- Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc
- Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (T9, T1)
- Thường xuyên nhắc nhở bé biết giữ im lặng khi người lớn đang nghỉ ngơi
- Tập cho bé biểu hiện cảm xúc vui buồn đúng chỗ
- Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tích cực khi được an ủi, giải thích
- Tập cho trẻ biết dùng lời diễn tả cảm xúc khó chịu, sự tức giận để giải quyết sự trong sinh hoạt hàng ngày
- Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác
- Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình

- Phụ huynh động viên khuyến khích trẻ nói lên sở thích của mình và của người khác
- Luôn khen ngợi sản phẩm của trẻ
- Giúp cho trẻ hiểu các từ mà vùng miền điều sử dụng giống nhau VD : Mẹ

Ngôn ngữ

- Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp
- Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.
- Phụ huynh nên tập cho bé nói đầu đủ tình tiết sự việc theo trình tự logic nhất định.
- Khuyến khích bé miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh.
- Động viên bé miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
- Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định
- Phụ huynh động viên bé kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ và bạn
- Tập cho bé hiểu được một cách đơn giản tính cách của các nhân vật thời gian, địa điểm, phần kết thúc và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc lại chuyện đó.
- Tạo cơ hội cho bé thể hiện sự Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
- Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp
- Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện(T9)
- Phụ huynh nên tập cho bé giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.
- Nhắc nhở bé Không nói leo, nói trống không và ngắt lời người khác.
- Khuyến khích bé thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
- Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;
- Phụ huynh nên động viên bé biết dùng câu hỏi để hỏi lại.
- Tập cho bé Có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ nét mặt để làm rõ thông tin khi nghe mà không hiểu

- Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (T9, T10)
- Phụ huynh nên động viên bé sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như " tạm biệt", "xin chào"
- Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy. (T10)
- Phụ huynh luôn là tấm gương trong giao tiếp
- Tránh cho bé tiếp xúc với môi trường không lành mạnh
- Nhắc nhở và điều chỉnh bé khi trẻ nói bậy
- Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc
- Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;
- Phụ huynh nên dành thời gian thường chơi với bé ở góc đọc sách, hay tìm sách.
- Khuyến khích bé Bắt chước viết hay đề nghị người khác đọc cho nghe.
- Động viên, nhắc nhở , kiểm tra bé Chú ý đến hành động viết của người lớn.
- Tập cho bé Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu những từ đơn giản.
- Chỉ số 80. Thể hiện sự thích thú với sách
- Phụ huynh nên cho bé thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách chuyện, kể chuyện, làm sách.
- Động viên bé hứng thú nhiệt tình tham gia các hoạt động, kể chuyện theo sách ở lớp.
- Phụ huynh nên dành thời gian dẫn bé đi nhà sách hàng tuần thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách...
- Phụ huynh cho bé mang sách chuyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi và trao đổi về chuyện được nghe đọc.
- Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc
- Chỉ số 84. “Đọc” theo truyện tranh đã biết
- Phụ huynh nên khuyến khích bé kể chuyện theo sách đã được đọc hoặc kể.
- Động viên bé Đọc sách theo sáng kiến của mình.
- Động viên bé nói được ý nghĩa của một số từ quen thuộc.

- Động viên, khuyến khích bé Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân.
- Phụ huynh nên tập cho bé Khi nghe đọc truyện trẻ có thể trả lời các câu hỏi.
- Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.
- Phụ huynh nên tập cho bé nhìn vào tranh vẽ trẻ có thể hiểu nội dung.VD truyện này là cô bé quàng khăn đỏ
- Khuyến khích bé nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh, diễn đạt nội dung câu chuyện.
- Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu của việc viết
- Chỉ số 91. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (T9, T10)
- Phụ huynh nên cho bé Nhận biết chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hằng ngày.
- Cho bé Biết mỗi chữ có tên, hình dạng và cách phát âm riêng.
- Tập cho bé Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng chữ cái đó.
- Tập cho bé phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.

Nhận thức

- Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên
- Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
- Phụ huynh nên cho bé nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.
- Tập cho bé giải thích sự dự đoán của mình.
- Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội
- Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống (T10)
- Phụ huynh dẫn bé đi chơi và khuyến khích bé kể tên những khu vui chơi- trường học - nơi mua sắm gần nơi trẻ sống.
- Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
- Tập cho bé nói Sản phẩm - công cụ của nghề mà trẻ được nhìn thấy
- Phụ huynh nên dẫn bé tham quan nghề phổ biến nơi bé sống

- Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình
- Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (T10)
- Tập cho bé Thể hiện nét mặt, vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát bản nhạc.
- PH thường xuyên cho bé nghe nhạc để trẻ cảm nhận được giai điệu của bản nhạc
- Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo
- Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (T9, T10)
- Phụ huynh nên tập cho bé đếm và nói đúng số lượng trong cuộc sống hằng ngày
- Cho bé tự Đọc các chữ số từ 1-9 trong cuộc sống
- Phụ huynh dành thời gian chơi với bé giúp bé Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được .
- Chuẩn 24. Trẻ nhận biết một số hình hình học và định hướng không gian
- Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.
- Phụ huynh nên tập cho bé nói được vị trí của 1 vật so với một vật khác trong không gian.
- Động viên bé nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng cho ba mẹ nghe
- Cho bé tự đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu.
- Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian
- Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
- Động viên bé Nói được ngày trong tuần theo thứ tự.
- Tập cho bé nhận biết Ngày nào đi học - ngày nào nghỉ học.
- Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;
- Ở nhà phụ huynh thường hỏi bé để giúp bé Nói được hôm nay - hôm qua - ngày mai là thứ mấy?
- Tập cho bé Nói được hôm qua làm việc gì? Hôm nay làm việc gì? Mẹ dặn - cô dặn ngày mai làm gì?

- Chỉ số 111. Nói được ngày trên lốc lịch và giờ trên đồng hồ.
- Cho bé Biết lịch - đồng hồ dùng để làm gì?
- Phụ huynh thường xuyên hỏi bé, khuyến khích bé Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.

G.KẾ HOẠCH VUI CHƠI

TRÒ CHƠI SÁNG TẠO

I. TRÒ CHƠI XÂY DỰNG :

1/ Hoạt động kiến tạo mô hình:

Ý tưởng xây dựng:

- Hình dung tương đối rõ ràng trước khi chơi : tên gọi, cấu trúc công trình đơn giản.
- Hình dung rõ ràng trước khi chơi : tên gọi, cấu trúc, vật liệu sẽ sử dụng.
- Có ý tưởng về mô hình sẽ xây dựng trước khi chơi.
- Có ý tưởng về MHXD độc đáo, khác lạ.
- Trẻ biết tính toán, cân nhắc từ đầu định làm gì, những đồ chơi vật liệu, cái nào làm trước, cái nào làm sau, nếu chơi chung với bạn thì sẽ phân công như thế nào?
- Có khả năng thực hiện công trình theo sơ đồ đơn giản.
- Có khả năng thực hiện công trình phức tạp, chi tiết hơn.
- Tự phác họa sơ đồ với sự hỗ trợ giúp đỡ của cô.

Kỹ năng xây dựng:

- Sử dụng nhiều vật liệu khác nhau để xây dựng mô hình.
- Biết sử dụng các loại “vật liệu xây dựng” khác nhau để “gia công” và phát triển mô hình xây dựng.
- Giải quyết tình huống có vấn đề đặt ra khi chơi (khi thiếu vật liệu biết dùng vật thay thế).
- Đặt các chi tiết sát cạnh, chồng khít liên tục với nhau. tính đến các yêu cầu cho trước về độ lớn về tương quan vị trí với các vật khác ở không gian bên ngoài.

- Phối hợp các hành động xếp chồng và đặt các chi tiết hình khối cạnh nhau để tạo ra mô hình cao và thuần thực hơn, nhiều chi tiết hơn.
- Sửa sang, thêm vào các chi tiết làm cho mô hình đẹp hơn, hài hòa cân đối hơn.
- Trò chơi có sự đan xen với trò chơi khác (xây nhà chơi gia đình, làm sân khấu đóng kịch).
- Sáng tạo trong phối hợp các thao tác xếp chồng và đặt cạnh để tạo ra mô hình xây dựng hình khối đặc.

- Xây dựng mô hình có không gian rộng để chứa đựng chi tiết bên trong.

Quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc:

- Trẻ biết cảm nhận sự cân đối hài hòa về hình dạng kích thước.
- Sắp xếp các chi tiết công trình xây dựng cách hài hoà, cân đối.
- Trẻ quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc.
- Biết điều chỉnh tạo sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc cho phù hợp.

2/ Mô hình xây dựng:

- Mô hình là những công trình đơn lẻ nhưng có cấu trúc vững chắc.
- Mô hình là công trình với nhiều hạng mục liên quan với nhau.
- Mô hình phát triển trong không gian ba chiều
- Mô hình hài hòa cân đối: trẻ quan tâm đến tỉ lệ kích thước giữa các bộ phận công trình.
- Mô hình sắc sảo (hoạ tiết trang trí, hài hoà về màu sắc, kích thước) vững chãi
- Mô hình có chi tiết độc đáo khác lạ

3/ Phối hợp với bạn trong nhóm chơi:

Biểu hiện:

- Quan hệ với trẻ bình đẳng hợp tác có thái độ thân mật hòa nhã với bạn khi chơi

- Biết chơi cùng nhau, không tranh giành đồ chơi
- Hứng thú tham gia trò chơi cùng với bạn
- Biết rủ nhau cùng chơi, thoả thuận về MHXD với sự gợi ý hỗ trợ của cô.
- Thực hiện vai chơi theo đúng sự phân công của nhóm.
- Mô hình có chi tiết độc đáo khác lạ
- Trao đổi và lắng nghe ý kiến của nhau.
- Xem mô hình xây dựng là kết quả chung của cả nhóm.
- Cùng nhau thu dọn đồ chơi sau khi chơi.

Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi :

- Có sự phối hợp tương đối bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm chơi.
- Phối hợp bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm
- Nhóm chơi tương đối có sự liên kết với nhau.
- Nhóm chơi liên kết.

Nhóm chơi quen thuộc với nhau:

- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.

4/ Khả năng tự lực khi chơi:

- Trẻ chơi cần có sự trợ giúp thường xuyên của giáo viên.
- Trẻ chủ động chơi nhưng vẫn có sự gợi ý của giáo viên.
- Trẻ tự chơi ở mức chủ động.
- Có sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi.

Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định "

II. TRÒ CHƠI GIẢ BỘ CÓ CỐT CHUYỆN

1. Nội dung cốt chuyện của trò chơi (NDCC)

- Hiện thực đa dạng được phản ánh trong trò chơi: Sinh hoạt của trẻ, ngành nghề lao động của người lớn, sự kiện xã hội, sự kiện giả tưởng...
- Trẻ chơi một cách tự do.

- Trẻ chơi ngẫu hứng.
- Chơi có NDCC: Đề tài sinh hoạt thường ngày, sự kiện đã từng xảy ra với trẻ
- Mở rộng đề tài lao động
- Đề tài chơi phản ánh cả đời sống chính trị - xã hội.
- Ý tưởng chơi độc đáo, đa dạng.
- Mức độ phong phú của các tình tiết NDCC
- NDCC đơn giản
- Xuất hiện thêm 1 số tình tiết
- Trẻ chơi với NDCC chứa đựng những yếu tố tưởng tượng
- phong phú, đa dạng "
- Mức độ sâu sắc của NDCC
- Nội dung chơi của trẻ chứa đựng nhiều biểu hiện tính chất quan hệ, thái độ, tính cách của mọi người
- Các diễn biến của nội dung chơi ngày càng hợp lý, mạch lạc và chủ động "
- Trẻ chơi với những hành động kế tiếp nhau ngày càng mạch lạc, tạo thành chuỗi tình tiết bằng cốt chuyện chơi. Có sự gắn kết giữa các tình tiết của NDCC
- Khi tham gia TC, trẻ tạo nên sự gắn kết độc đáo, sáng tạo giữa các tình tiết của NDCC"
- Có những tình tiết độc đáo từ nhiều nguồn phong phú
- Trẻ chơi với những tình tiết đơn giản chưa phong phú.
- NDCC chứa đựng các tình tiết sáng tạo, ngẫu hứng.
- Biết tạo ra những tình tiết bất ngờ, thú vị trong quá trình chơi

2. Kỹ năng chơi giả bộ

- Tình huống giả bộ (THGB) đa dạng, phong phú
- Trẻ chơi với tình huống giả bộ 1 cách ngẫu hứng hoặc do cô gợi ý.
- Trẻ sử dụng tình huống quen thuộc để giải thích hành động chơi

- Trẻ chơi với tình huống tưởng tượng. Tự đưa ra tình huống ngày càng phong phú để chơi tiếp
- Sử dụng vật thay thế trong trò chơi khi có nhu cầu.
- Trẻ sử dụng VTT để chơi khi được sự gợi ý của cô.
- Trẻ dùng một đồ vật thay cho một vài đồ vật khác Tự đưa thêm VTT khi chơi ngày một nhiều: biết dùng một
- vài đồ vật thay cho một vật"
- Đóng vai người khác khi chơi
- Trẻ đóng được một số vai người khác khi chơi, thể hiện nhiều hành động khác nhau khi chơi
- Biết nhận vai, xưng vai khi chơi, chơi nhiều vai khác nhau
- Thực hiện những hành động phù hợp với vai chơi đã nhận
- Linh hoạt thay đổi vai chơi phù hợp THGB
- Trẻ thay đổi vai chơi khi thấy không phù hợp.
- Trẻ biết đổi vai chơi với bạn tùy vào tình huống chơi.
- Linh hoạt đổi vai chơi tùy thuộc vào sự phát triển của NDCC
- Biểu hiện sáng tạo, độc đáo của THGB, trong sử dụng VTT hoặc trong việc thực hiện các hành động vai (ngôn ngữ, hành động, nét mặt...)
- Biết thể hiện hành động vai nhưng chưa có sự sáng tạo.
- Trẻ biết thể hiện hành động vai và biết sử dụng VTT phù hợp với tình huống chơi
- " + Biết tự kết hợp một số hành động thành một cốt chuyện cho trò chơi"
- Sáng tạo trong việc sử dụng VTT và sử dụng nhiều phương tiện để thể hiện: đồ chơi, hành động, điệu bộ, nét mặt, giọng nói...

3. Phối hợp với bạn trong tổ chức trò chơi

- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về trò chơi và chuẩn bị đồ chơi, nơi chơi....cho trò chơi chung"
- Trẻ chơi một mình.
- Trẻ biết rủ bạn cùng chơi

- Tự rủ nhóm bạn cùng chơi, biết cách phối hợp với bạn để tổ chức TC chung
- Trước khi chơi, trẻ tự thỏa thuận vai chơi, nội dung chơi cùng chuẩn bị đồ chơi, sắp xếp nơi chơi"
 - Phối hợp trong nhóm khi chơi: chia sẻ/lắng nghe/chấp thuận ý tưởng của bạn; phối hợp hành động phù hợp tình huống chơi
 - Trẻ chưa kết nhóm khi chơi.
 - Chấp nhận bạn chơi chung và chơi cùng bạn.
 - Biết lắng nghe ý kiến của bạn.
 - Thể hiện thái độ thân ái, giúp đỡ bạn. Chia sẻ với bạn chơi tình huống tưởng tượng và tiếp nhận tình huống đó từ bạn
 - Quan tâm đến hứng thú, ý tưởng của bạn.
 - Biết phối hợp hành động chơi cùng với bạn
 - Cùng kết thúc, thu dọn đồ chơi
 - Trẻ tự thu dọn đồ chơi sau khi chơi
 - Có sự hỗ trợ nhau khi kết thúc giờ chơi: cùng thu dọn đồ chơi
 - Nhắc nhở bạn thu dọn đồ chơi.
 - Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi (bình đẳng/không bình đẳng); nhóm chơi liên kết, rời rạc
 - Chưa có sự phối hợp với bạn chơi.
 - Các thành viên trong nhóm chơi có sự phối hợp, liên kết nhưng không thường xuyên
 - Trẻ liên kết với nhau thường xuyên hơn để thực hiện hành động chơi
 - Trẻ biết phối hợp ăn ý với nhau để cùng chơi.
 - Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.
 - Trẻ chưa chơi với nhóm, không chấp nhận bạn mới chơi chung
 - Trẻ chơi với các bạn trong nhóm chơi quen thuộc.
 - Chấp nhận và có sự hỗ trợ bạn mới khi bạn gia nhập nhóm

4. Khả năng tự lực khi chơi

- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động, ở mức “chủ động nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV” và ở mức “cần sự trợ giúp thường xuyên của GV
- Trẻ chơi nhưng cần sự trợ giúp thường xuyên của GV.
- Tự chơi nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV.
- Tự thành lập nhóm chơi và phân vai chơi.
- Trẻ chơi hoàn toàn chủ động: biết bắt đầu và triển khai trò chơi
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi
- Tự chơi nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV.
- Biết xử trí tình huống phát sinh trong khi chơi.
- Nảy sinh ý tưởng cốt chuyện để chơi, tự xác lập và tuân theo các qui tắc chơi
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi quy định
- Trẻ có thói quen tự lấy, cất đồ chơi.
- Trẻ biết sắp xếp đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng, ngăn nắp và đúng nơi quy định"

B. TRÒ CHƠI CÓ LUẬT:

1. Thực hiện hành động chơi:

- Nỗ lực, hứng thú:
- Làm quen với bạn, trò chơi, khu vực chơi.
- Thích tham gia trò chơi.
- Hứng thú khi tham gia trò chơi, chơi 1 cách tích cực.
- Cố gắng thực hiện nhiệm vụ.
- Chủ động rủ nhau chơi.
- Chủ động thỏa thuận lựa chọn nội dung trò chơi.
- Tự nghĩ ra cách chơi, luật chơi khi tham gia chơi.
- Đúng phù hợp với mục tiêu:
- Thực hiện đúng cách chơi, luật chơi theo yêu cầu của trò chơi.

- Thực hiện đúng cách chơi, luật chơi theo sự thỏa thuận.
- Thành thạo (trò chơi quen thuộc).
- Thành thạo trò chơi quen thuộc.
- Sáng tạo những trò chơi quen thuộc.
- Hợp lí :
- Thực hiện hành động phù hợp với trò chơi.
- Hoạt động chơi có mức độ phức tạp phù hợp
- Hoạt động chơi có mức độ phù hợp.
- Hoạt động chơi có mức độ khó dần.

2. Tuân thủ qui tắc chơi:

- Thực hiện luật chơi theo sự kiểm soát của cô.
- Trẻ tự giám sát lẫn nhau và tự lực thực hiện đúng theo luật chơi- cách chơi.
- Qui định cách chơi và trình tự hành động
- Qui định sự phối hợp hành động giữa các thành viên của trò chơi.
- Qui định giới hạn không gian hoặc loại trừ 1 số kiểu hành động.
- Qui định cách thưởng phạt.

3. Phối hợp với bạn:

- Biểu hiện:
- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về cách chơi:
- Rủ các bạn trong nhóm bạn bé thích.
- Rủ những bạn có cùng sở thích tham gia trò chơi.
- Khi chơi thực hiện như thỏa thuận:
- Thỏa thuận chơi theo luật chơi.
- Thay đổi luật chơi theo trẻ.
- Nhắc nhở, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của nhau:
- Quan sát và nhắc nhở bạn.

- Chấp nhận sửa sai theo luật chơi.
- Nhường nhịn vì trò chơi chung.
- Hứng thú khi được chơi với nhau.
- Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi, thực hiện nội dung chơi trong quá trình chơi.
- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới:
- Chơi với nhóm quen thuộc.
- Chấp nhận bạn khác gia nhập
- Mời bạn cùng chơi.

4. Khả năng tự lực khi chơi:

- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi đúng nơi qui định.
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng.
- Tự chơi ở mức chủ động có sự gợi ý hỗ trợ của giáo viên.
- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động.
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi.

KẾ HOẠCH NĂM LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI (3)

NĂM HỌC 2024 – 2025

A. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

1. MỤC TIÊU

- Phát triển vận động
- Trẻ thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.(T9, T10)
- Trẻ biết kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ lớn khi thực hiện kỹ năng vận động cơ bản.(T9, T10)
- Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ khi thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt và sử dụng một số đồ dùng dụng cụ.(T9, T10)
- Trẻ biết phối hợp các giác quan và giữ thăng bằng khi vận động khi thực hiện kỹ năng vận động cơ bản và tổ chức trong vận động.(T9, T10)
- Trẻ thể hiện sức mạnh, sự nhanh nhẹn và dẻo dai của cơ thể trong các bài tập vận động
- Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe
- Trẻ có hiểu biết về dinh dưỡng: biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe (T10)
- Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân, biết thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt. (T9, T10)
- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe. (T9, T10)
- Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân, biết một số vật dụng, những nơi nguy hiểm, nguy cơ không an toàn và phòng tránh. (T10)
- Nhận biết một số trường hợp không an toàn và gọi người khác giúp đỡ.
- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.
- Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Chỉ số 1. Bật xa tối thiểu 50cm (T9) - Chỉ số 2. Bật - nhảy xuống từ độ cao 40 - 45cm
- Chỉ số 3. Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa 4m
- Chỉ số 4. Trèo lên, xuống 7 giống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất - Tung bóng lên cao và bắt.(T9)
- Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm.
- Bật liên tục vào vòng. (T10)
- Bật tách chân, khép chân qua 7 ô
- Bật qua vật cản 15 - 20cm. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m- 5m (T10)
- Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. (T10)
- Chỉ số 10. Đi, đập và bắt được bóng bằng 2 tay, nảy 4-5 lần liên tiếp. - Chỉ số 11. Đi thăng bằng được trên ghế thể dục không làm rơi vật đang đội trên đầu (2m x 0,25m x 0,35m) (T10)
- Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay

- Ném trứng đích đứng (xa 2m x cao 1,5 m).
- Nhảy lò cò 5m (T9)
- Bò đích dắc qua 7 điểm, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu. - Chỉ số 12. Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 - 7 - 10 giây.
- Chỉ số 13. Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian .
- Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống
- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh.
- Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.
- Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.
- Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép.
- Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.
- * GIỜ SINH HOẠT
- Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp. (T9, T10)
- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối.(T9)
- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), đi trên ván dốc
- Đi nổi bàn chân tiền, lùi (T10)
- Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.(T10)
- Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo (T9)
- Chỉ số 6. Tô, đồ theo nét, tô màu kín không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ. (T9)
- Chỉ số 7. Xé, cắt theo đường viền thẳng, và cong của các hình vẽ đơn giản
- Chỉ số 8. Ghép và dán các hình đã cắt theo mẫu vào đúng vị trí cho trước, không bị nhẵn.
- Xếp chồng 12 - 15 khối theo mẫu.(T9, T10)
- Lắp ráp.(T9, T10)
- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.(T9, T10)
- Bể, nắn.(T9)
- Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, buộc dây, cài quai dép, kéo khoá(phéc mơ tuya) (T9)
- Xé, cắt đường vòng cung, theo đường viền của hình vẽ (T10)
- Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. (T9)
- Gập, mở lần lượt từng ngón tay.
- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.
- Chỉ số 9. Nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (T10)
- Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây. (T10)
- Chỉ số 14. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
- Đi, chạy thay đổi hướng, tốc độ, dắc dắc theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
- Chỉ số 19. Kể được tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày;
- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất (T10)

- Nhận biết, nói tên các món ăn các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...
- Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn.(T9)
- Chỉ số 16. Biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Chỉ số 18. Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. (T10)
- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo
- Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/ giặt nước cho sạch. Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách (T10)
- Tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng.(T9)
- Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định.
- Chỉ số 17. Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.
- Không đùa nghịch, không làm đồ vãi thức ăn (T9)
- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn(T9)
- Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.
- Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh.
- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.
- Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....
- Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết.
- Có ý thức tự phục vụ bản thân: tự mang giày, mặc quần áo, tự cất cặp đúng nơi qui định,...
- Chỉ số 23. Không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm khi biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. (T10)
- Không leo trèo cây, ban công, tường rào...
- Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ...
- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn
- Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.
- Không ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo.
- Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.
- Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm
- Biết không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,....
- Biết không tự ý uống thuốc.
- Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

* CHỦ ĐỀ

- Nhận biết, phân loại, lựa chọn một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm(chất đạm: thịt,cá, giàu vitamin và muối khoáng: rau quả). (T10)
- Chỉ số 20. Biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe khi nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...), ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội mạnh uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.
- Chỉ số 21. Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.
- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.
- Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết.

B. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

1. MỤC TIÊU

- Trẻ nghe hiểu lời nói (T9, T10)
- Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày (T9, T10)
- Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp (T9, T10)
- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo
- Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc (T9, T10)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu về việc (T9, T10)
- Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC

• GIỜ HỌC

- Chỉ số 63. Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi: phương tiện giao thông,động vật,thực vật, đồ dùng(đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...)
- Chỉ số 64. Nghe hiểu nội dung câu chuyện dành cho lứa tuổi của trẻ. (T9, T10)
- Hiểu từ trái nghĩa.
- Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định

- Đóng kịch , đóng được vai của nhân vật trong truyện
- Chỉ số 77.Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống (T10)
- Chỉ số 120.Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác . Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
- Kể chuyện theo đồ vật
- Chỉ số 82. Biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm,...)
- Chỉ số 85.Biết kể chuyện theo tranh minh họa và theo kinh nghiệm của bản thân.
- Chỉ số 91.Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt . (T9, T10)
- Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

• GIỜ SINH HOẠT

- Chỉ số 61. Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(T9)
- Chỉ số 62. Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2,3 hành động và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp.
- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp độ tuổi. (T9, T10)
- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.(T9, T10)
- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, mở rộng, câu phức.
- Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể,ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái."
- Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.
- Chỉ số 65.Nói rõ ràng khi trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: Tại sao? Có gì giống nhau? Có gì khác nhau? Do đâu mà có? –
- Chỉ số 66.Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm, hình tượng trong sinh hoạt hàng ngày.

- Chỉ số 67. Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp: câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh... và bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu
- Chỉ số 68. Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân
- Chỉ số 69. Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động .(T9)
- Chỉ số 70. Kể rõ ràng , có trình tự về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.
- Chỉ số 72. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện .
- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu.
- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. (T10)
- Kể chuyện theo tranh
- Đặt các câu hỏi: Tại sao? Như thế nào? Làm bằng gì? . (T10)
- Miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.,
- Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, cao dao, tục ngữ, hò vè.(T9)
- Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh.
- Chỉ số 73. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh, tình huống và nhu cầu giao tiếp
- Chỉ số 74. Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp .
- Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện.(T9)
- Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói
- Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống .(T9)
- Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy. (T10)

- Chỉ số 117.Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện.
- Chỉ số 83.Có một số hành vi như người đọc sách
- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. (T10)
- Chọn sách để “đọc” và xem.
- Làm quen với cách đọc tiếng Việt: Hướng đọc, : từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.
- Chỉ số 84 .“Đọc” theo truyện tranh, tranh vẽ đã biết.
- Chỉ số 86.Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.
- Chỉ số 87.Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân. (T10)
- Chỉ số 88.Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái , kí hiệu, tên của mình.(T9)
- Chỉ số 89.Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. (T10) - Chỉ số 90.Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. - Tập tô, tập đồ các nét chữ.(T9)
- Làm quen với cách viết tiếng Việt + Hướng viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ .
- Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh .
- Chỉ số 80.Thể hiện sự thích thú với sách - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.

• CHỦ ĐỀ

- Chỉ số 82. Làm quen, nhận ra và biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống (biển báo giao thông, đường cho người đi bộ,...)
- Chỉ số 81. Có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.

C. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

1. MỤC TIÊU

1.1 Khám phá khoa học

- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về các bộ phận của cơ thể con người. (T9)
- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về đồ dùng, đồ chơi. (T10)

- Trẻ thể hiện sự hiểu biết về một số phương tiện giao thông
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên và hiện tượng tự nhiên.
- Trẻ tò mò tìm tòi và ham hiểu biết khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. (T10)
- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.
- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.
- Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau.
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.
- Trẻ nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản. (T10)
- Trẻ thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.(T9)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình

1.2 Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

- Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo. Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm.
- Trẻ thể hiện khả năng suy luận khi so sánh, sắp xếp theo qui tắc. Xếp tương ứng.
- Trẻ nhận biết về một số hình hình học (T10)
- Trẻ định hướng trong không gian và có một số nhận biết ban đầu về thời gian.

1.3 Khám phá xã hội

- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về bản thân.
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về gia đình (T10)
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về lớp mầm non và cộng đồng.
- Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội. Trẻ nhận biết một số nghề phổ biến trong xã hội và nghề truyền thống ở địa phương.(T10)
- Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa.

2. HÌNH THỨC TỔ CHỨC SINH HOẠT:

CHỦ ĐỀ:

* Khám phá khoa học

- Chức năng của các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. (T9)
- Chỉ số 96. Phân loại được một số đồ dùng, đồ chơi thông thường theo chất liệu và công dụng; (2 - 3 dấu hiệu) (T10)
- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu.
- Chỉ số 92. Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung, ích lợi và tác hại khi so sánh, phân loại sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả.
- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa.
- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
- Các nguồn nước trong môi trường sống.
- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây...
- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.

* Khám phá xã hội

- Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện.
- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình, số điện thoại (Nếu có)...Khi được hỏi trò chuyện (T10)
- Tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên khi được hỏi, trò chuyện. Tên và đặc điểm, sở thích của các bạn.
- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
- Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên...

GIỜ HỌC

- Khám phá khoa học
- Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.

- Chỉ số 93. Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của một số loại cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên
 - Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán
- Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10.
- Chỉ số 105. Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.
- Tách, Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi (6,7,8,9,10) thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm(T9,T10) - Chỉ số 106. Biết cách đo, so sánh độ dài các vật và nói kết quả đo.
- - So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.
- - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
- Chỉ số 116. So sánh, nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc và sao chép lại.
- Chỉ số 114. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân- kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.
- Chỉ số 107. Gọi tên và chỉ ra được các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế.
- - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
- Chỉ số 108. Trẻ xác định vị trí của một vật qua lời nói hành động so với một vật khác (bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
- Chỉ số 109. Trẻ gọi đúng tên các ngày các thứ trong tuần theo thứ tự.

SINH HOẠT CHUNG:

- Khám phá khoa học
- ặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.(T10) - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. (T10)
- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng.

- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
- Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. - Chỉ số 94. Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (T10). - Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.(T9) - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.(T10) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. -Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Gọi đúng tên các mùa trong năm.
- Chỉ số 112. Hay đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? (T10) - Chỉ số 113. Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh.
- Sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.
- Xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.
- Trẻ biết phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau
- Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện
- Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau. (T10)
- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.(T9)
- Chỉ số 99.Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(T9,T10)
- Chỉ số 100: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em(T9,T10)
- Chỉ số 101: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(T9, T10)
- Chỉ số 102: Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản.(T9) - Chỉ số 103: Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình
- * Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán
- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.(T9)
- Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?... (T10)
- - Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.(T9,T10)
- - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (bản số nhà, số xe...)

- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. (T10)
- Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp
- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
- Tạo ra quy tắc sắp xếp.
- Chỉ số 115. Loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.
- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau
- Chỉ số 110 .Nhận biết, phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày.
- - Chỉ số 111. Nói được ngày trên lôc lịch và giờ trên đồng hồ.

* Khám phá xã hội

- Tên,công việc của cô giáo và các bác công nhân viên khi được hỏi, trò chuyện.
- Các hoạt động của trẻ ở trường
- Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (T10) - Nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...
- Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của một số di tích lịch sử danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước.

D. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

1.MỤC TIÊU

- Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên và tác phẩm nghệ thuật.
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng, hiểu biết về âm nhạc.(T9, T10)
- Trẻ thể hiện một số kỹ năng, hiểu biết về tạo hình (T9, T10)
- Trẻ thể hiện khả năng sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật(âm nhạc, tạo hình) (T9, T10)

2.HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Chỉ số 100: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em (T9)
- Hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ
- Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).
- Chỉ số 101 :Thể hiện cảm xúc và vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (T9)
- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách,nhịp, tiết tấu.
- Chỉ số 6. Tô màu kín, không chừa ra ngoài đường viền các hình vẽ.(T9)
- Chỉ số 102. Phối hợp và lựa chọn sử dụng các vật liệu tạo hình khác nhau như vật liệu thiên nhiên, phế liệu để làm một sản phẩm đơn giản. (T10)
- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo ra thành phẩm có bố cục cân đối.
- Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét hài hoà, bố cục cân đối.
- Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.(T9)
- Chỉ số 103. Nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình.
- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.
- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.
- Chỉ số 117. Đặt lời mới cho giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích
- Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích

* GIỜ SINH HOẠT

-Thể hiện thái độ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.(T9, T10)

- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.

-Thể hiện thái độ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc (T9)

- Thích nghe và đọc thơ , đồng dao, ca dao , tục ngữ , thích nghe và kể câu chuyện. (T9, T10)

- Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.

- Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.

- Chỉ số 38: Thể hiện sự thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) với cái đẹp, của các tác phẩm tạo hình.

-Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) (T10)

- Chỉ số 99: Nghe và nhận ra giai điệu, sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.(T9)

- Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, đường nét và bố cục

- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.

- Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn

- Chỉ số 118: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình (T9)

- Chỉ số 119: Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau

- Đặt tên cho sản phẩm của mình

E. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI

1.MỤC TIÊU

- Trẻ biết thể hiện sự nhận thức và ý thức về bản thân.(T9, T10)
- Trẻ biết thể hiện sự tự tin, tự lực và tin tưởng vào khả năng của bản thân.(T9, T10)
- Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.(T9, T10)
- Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn.
- Trẻ thể hiện sự hợp tác với bạn bè và mọi người xung quanh.(T9)
- Trẻ biết thể hiện một số hành vi và quy tắc ứng xử thích hợp trong xã hội. (T10)
- Trẻ biết quan tâm đến môi trường (T10) 8. .Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác

2.HÌNH THỨC TỔ CHỨC

* GIỜ HỌC

- Biết quan tâm một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.
- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.
- Chỉ số 36. Bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.
- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
- Chỉ số 44. Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi.
- Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn.
- Chỉ số 48. Lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn; người khác.
- Chỉ số 50. Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ với bạn bè.
- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận
- Chỉ số 54. Biết nói và có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn. (T10)
- Chỉ số 55. Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.
- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", “tốt” - “xấu”.

- Chỉ số 56. Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường.
- Tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn. (T10)
- Thích chăm sóc, bảo vệ cây cối, con vật thân thuộc.

* GIỜ SINH HOẠT

- Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình: nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.
- Chỉ số 29. Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân: nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được. (T10)
- Chỉ số 30. Biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.
- Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học.(T9)
- Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.
- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.(T9)
- Chỉ số 31. Cố gắng thực hiện, tự hoàn thành công việc được giao đến cùng (trực nhật, xếp dọn đồ chơi...).
- Chỉ số 32. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(T9)
- Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày và độc lập trong một số hoạt động: vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...(T10)
- Chỉ số 34. Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến của bản thân.(T9)
- Chỉ số 37. Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân và bạn bè. (T10)
- Chỉ số 38. Thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(T9)
- Chỉ số 39. Thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc
- Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh.
- Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích.
- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
- Chỉ số 42. Dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi.
- Chỉ số 43. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.

- Chỉ số 46. Có nhóm bạn chơi thường xuyên.
- Chỉ số 49. Trao đổi ý kiến của mình với các bạn.
- Chỉ số 51. Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(T9)
- Chỉ số 52. Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(T9)
- Chỉ số 47. Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động. (T10)
- Chỉ số 53. Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác.
- Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).
- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
- Bỏ rác đúng nơi quy định, biết phân loại rác
- Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).
- Chỉ số 58. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân.
- Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình.
- Chỉ số 60. Quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.
- Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

* CHỦ ĐỀ

Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng)

- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở,nơi làm việc...).
- Chỉ số 35. Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.(T9)
- Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường), vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép. (T10)

- Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (T10) - Giữ gìn vệ sinh môi trường, giảm tải sử dụng túi nylon

F.CHUẨN KẾT HỢP PHỤ HUYNH LỚP MG 5-6 TUỔI

Thể chất

- Chuẩn 2. Trẻ có thể kiểm soát và phối hợp vận động các nhóm cơ nhỏ
- Chỉ số 5. Tự mặc và cởi được áo (T9)
- Phụ huynh nên tập cho bé mặc áo đúng cách, 2 tà không bị lệch nhau, không mặc áo trái hoặc áo ngược.
- Cho bé tự mặc và cởi được quần.
- Kiểm tra bé mặc quần Không cho 2 chân vào 1 ống.
- Chuẩn 5. Trẻ có hiểu biết, thực hành vệ sinh cá nhân và dinh dưỡng
- Chỉ số 15. Biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn
- Ở nhà phụ huynh nên cho bé Rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo.
- Động viên và kiểm tra bé Rửa sạch: tay sạch, không có mùi xà phòng.
- Chỉ số 16. Tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Phụ huynh nên cho bé tự rửa mặt, chải răng hàng ngày
- Động viên và kiểm tra bé rửa gọn: không vẩy nước ra ngoài, không ướt quần áo. Rửa sạch: không có mùi xà phòng.
- Chỉ số 20. Biết và không ăn , uống một số thứ có hại cho sức khỏe
- Phụ huynh nên nhắc nhở bé không uống nước lã và trái cây chưa rửa sạch
- Tập cho trẻ nhận biết các thức ăn bị ôi thiu
- Chuẩn 6. Trẻ có hiểu biết và thực hành an toàn cá nhân
- Chỉ số 24. Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép;
- Phụ huynh Nhắc nhở bé Người lạ cho quà thì phải xin phép người thân trước khi nhận.
- Nhắc nhở bé người lạ rủ đi thì không theo.

- Chỉ số 26. Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc.
- Phụ huynh động viên biết bé bày tỏ thái độ không đồng tình.
- Cho trẻ hiểu Đừng hút thuốc vì có hại
- Phụ huynh đừng hút thuốc ở nơi công cộng
- Nói cho bé hiểu Hút thuốc sẽ bị ốm - ho.
- Nhắc nhở bé nên tránh chỗ có người hút thuốc
- Chỉ số 25. Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm
- PH trò chuyện với bé khi trẻ gặp nguy hiểm phải biết kêu cứu , gọi người lớn hoặc nhờ bạn gọi người lớn
- - Hướng dẫn cho bé trong cuộc sống hằng ngày nếu gặp nguy hiểm phải chạy khỏi nơi nguy hiểm , hoặc có những hành động để bảo vệ mình .
- Luôn hỏi trẻ số điện thoại khẩn cấp 113-114-115
- Chỉ số 22. Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm
- - PH trò chuyện với bé 1 số việc thường xuyên gây nguy hiểm cho bản thân trẻ và người khác (xô đẩy bạn khi lên cầu thang , đánh bạn ,...)
- - Hướng dẫn thêm cho bé tránh xa hoặc dùng đồ dùng khác thay thế hoặc nhờ người lớn giúp

Tình cảm-xã hội

- Chuẩn 7. Trẻ thể hiện nhận thức về bản thân
- Chỉ số 28. Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân;
- Phụ huynh nên hướng dẫn bé chọn trang phục phù hợp và thường xuyên nhắc nhở bạn gái ngồi ngay ngắn khi mặc váy, bạn trai luôn giúp các bạn gái.
- Chỉ số 27. Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình
- Tập cho bé biết tên của các thành viên trong gia đình, nơi ở, số điện thoại, tên, tuổi của bản thân.
- Chuẩn 8. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội
- Chỉ số 33. Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày (T10)
- Phụ huynh nên cho bé vệ sinh cá nhân mỗi buổi sáng khi thức dậy

- Cho bé dọn dẹp sau khi chơi.
- Cho bé tự chuẩn bị giờ ngủ
- Chỉ số 34. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(T9)
- Tập cho bé ở nhà nói đủ to để mọi người có thể nghe rõ.
- Động viên bé nhìn thẳng vào mắt người nói chuyện.
- Trò chuyện, khuyến khích, cho trẻ thời gian suy nghĩ trả lời
- Chuẩn 10. Trẻ có mối quan hệ tích cực với bạn bè và người lớn
- Chỉ số 45. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn;
- Phụ huynh động viên, nhắc nhở bé Sẵn sàng chia sẻ đồ chơi cho mẹ hay với người lớn.
- Khuyến khích bé chủ động giúp mọi người
- Chuẩn 12. Trẻ có các hành vi thích hợp trong ứng xử xã hội
- Chỉ số 57. Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.
- Phụ huynh nhắc nhở bé giữ gìn vệ sinh trong lớp, ngoài đường
- Nhắc nhở bé biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày, ở nhà và ở trường
- Nhắc nhở bé không xả rác , thấy rác nhặt lên và khuyến khích bé biết nhắc nhở người khác không xả rác
- Chuẩn 9. Trẻ biết cảm nhận và thể hiện cảm xúc
- Chỉ số 40. Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh (T9, T1)
- Thường xuyên nhắc nhở bé biết giữ im lặng khi người lớn đang nghỉ ngơi
- Tập cho bé biểu hiện cảm xúc vui buồn đúng chỗ
- Chỉ số 41. Biết kiềm chế cảm xúc tích cực khi được an ủi, giải thích
- Tập cho trẻ biết dùng lời diễn tả cảm xúc khó chịu, sự tức giận để giải quyết sự trong sinh hoạt hàng ngày
- Chuẩn 13. Trẻ thể hiện sự tôn trọng người khác
- Chỉ số 59. Chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình

- Phụ huynh động viên khuyến khích trẻ nói lên sở thích của mình và của người khác
- Luôn khen ngợi sản phẩm của trẻ
- Giúp cho trẻ hiểu các từ mà vùng miền điều sử dụng giống nhau VD : Mẹ

Ngôn ngữ

- Chuẩn 15. Trẻ biết sử dụng lời nói để giao tiếp
- Chỉ số 70. Kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được.
- Phụ huynh nên tập cho bé nói đầu đủ tình tiết sự việc theo trình tự logic nhất định.
- Khuyến khích bé miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh.
- Động viên bé miêu tả tranh vẽ và các sản phẩm tạo hình của bản thân.
- Chỉ số 71. Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định
- Phụ huynh động viên bé kể lại chuyện đã được nghe cho bố mẹ và bạn
- Tập cho bé hiểu được một cách đơn giản tính cách của các nhân vật thời gian, địa điểm, phần kết thúc và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc lại chuyện đó.
- Tạo cơ hội cho bé thể hiện sự Thích thú sáng tạo chuyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
- Chuẩn 16. Trẻ thực hiện một số quy tắc thông thường trong giao tiếp
- Chỉ số 75. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện(T9)
- Phụ huynh nên tập cho bé giữ tay khi muốn nói và chờ đến lượt.
- Nhắc nhở bé Không nói leo, nói trống không và ngắt lời người khác.
- Khuyến khích bé thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc chỉ đặt các câu hỏi khi họ đã nói xong.
- Chỉ số 76. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói;
- Phụ huynh nên động viên bé biết dùng câu hỏi để hỏi lại.
- Tập cho bé Có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ nét mặt để làm rõ thông tin khi nghe mà không hiểu

- Chỉ số 77. Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (T9, T10)
- Phụ huynh nên động viên bé sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người như " tạm biệt", "xin chào"
- Chỉ số 78. Không nói tục, chửi bậy. (T10)
- Phụ huynh luôn là tấm gương trong giao tiếp
- Tránh cho bé tiếp xúc với môi trường không lành mạnh
- Nhắc nhở và điều chỉnh bé khi trẻ nói bậy
- Chuẩn 17. Trẻ thể hiện hứng thú đối với việc đọc
- Chỉ số 79. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh;
- Phụ huynh nên dành thời gian thường chơi với bé ở góc đọc sách, hay tìm sách.
- Khuyến khích bé Bắt chước viết hay đề nghị người khác đọc cho nghe.
- Động viên, nhắc nhở , kiểm tra bé Chú ý đến hành động viết của người lớn.
- Tập cho bé Quan tâm đến việc viết, thích sao chép lại những câu những từ đơn giản.
- Chỉ số 80. Thể hiện sự thích thú với sách
- Phụ huynh nên cho bé thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách chuyện, kể chuyện, làm sách.
- Động viên bé hứng thú nhiệt tình tham gia các hoạt động, kể chuyện theo sách ở lớp.
- Phụ huynh nên dành thời gian dẫn bé đi nhà sách hàng tuần thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách...
- Phụ huynh cho bé mang sách chuyện đến và yêu cầu người khác đọc cho nghe, hỏi và trao đổi về chuyện được nghe đọc.
- Chuẩn 18. Trẻ thể hiện một số hành vi ban đầu của việc đọc
- Chỉ số 84. “Đọc” theo truyện tranh đã biết
- Phụ huynh nên khuyến khích bé kể chuyện theo sách đã được đọc hoặc kể.
- Động viên bé Đọc sách theo sáng kiến của mình.
- Động viên bé nói được ý nghĩa của một số từ quen thuộc.

- Động viên, khuyến khích bé Cố gắng đoán nghĩa của từ và nội dung chuyện dựa vào tranh minh họa, chữ cái và kinh nghiệm của bản thân.
- Phụ huynh nên tập cho bé Khi nghe đọc truyện trẻ có thể trả lời các câu hỏi.
- Chỉ số 85. Biết kể chuyện theo tranh.
- Phụ huynh nên tập cho bé nhìn vào tranh vẽ trẻ có thể hiểu nội dung.VD truyện này là cô bé quàng khăn đỏ
- Khuyến khích bé nói được thứ tự của sự việc từ chuyện tranh, diễn đạt nội dung câu chuyện.
- Chuẩn 19. Trẻ thể hiện một số hiểu biết ban đầu của việc viết
- Chỉ số 91. Nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt (T9, T10)
- Phụ huynh nên cho bé Nhận biết chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và hoạt động hằng ngày.
- Cho bé Biết mỗi chữ có tên, hình dạng và cách phát âm riêng.
- Tập cho bé Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng chữ cái đó.
- Tập cho bé phân biệt được sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.

Nhận thức

- Chuẩn 20. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường tự nhiên
- Chỉ số 95. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.
- Phụ huynh nên cho bé nêu hiện tượng có thể xảy ra tiếp theo.
- Tập cho bé giải thích sự dự đoán của mình.
- Chuẩn 21. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về môi trường xã hội
- Chỉ số 97. Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống (T10)
- Phụ huynh dẫn bé đi chơi và khuyến khích bé kể tên những khu vui chơi- trường học - nơi mua sắm gần nơi trẻ sống.
- Chỉ số 98. Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống.
- Tập cho bé nói Sản phẩm - công cụ của nghề mà trẻ được nhìn thấy
- Phụ huynh nên dẫn bé tham quan nghề phổ biến nơi bé sống

- Chuẩn 22. Trẻ thể hiện một số hiểu biết về âm nhạc và tạo hình
- Chỉ số 101. Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (T10)
- Tập cho bé Thể hiện nét mặt, vận động phù hợp với nhịp, sắc thái của bài hát bản nhạc.
- PH thường xuyên cho bé nghe nhạc để trẻ cảm nhận được giai điệu của bản nhạc
- Chuẩn 23. Trẻ có một số hiểu biết về số, số đếm và đo
- Chỉ số 104. Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10 (T9, T10)
- Phụ huynh nên tập cho bé đếm và nói đúng số lượng trong cuộc sống hằng ngày
- Cho bé tự Đọc các chữ số từ 1-9 trong cuộc sống
- Phụ huynh dành thời gian chơi với bé giúp bé Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đã đếm được .
- Chuẩn 24. Trẻ nhận biết một số hình hình học và định hướng không gian
- Chỉ số 108. Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.
- Phụ huynh nên tập cho bé nói được vị trí của 1 vật so với một vật khác trong không gian.
- Động viên bé nói được vị trí của các bạn so với nhau khi xếp hàng cho ba mẹ nghe
- Cho bé tự đặt đồ vật vào chỗ theo yêu cầu.
- Chuẩn 25. Trẻ có một số nhận biết ban đầu về thời gian
- Chỉ số 109. Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự
- Động viên bé Nói được ngày trong tuần theo thứ tự.
- Tập cho bé nhận biết Ngày nào đi học - ngày nào nghỉ học.
- Chỉ số 110. Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày;
- Ở nhà phụ huynh thường hỏi bé để giúp bé Nói được hôm nay - hôm qua - ngày mai là thứ mấy?
- Tập cho bé Nói được hôm qua làm việc gì? Hôm nay làm việc gì? Mẹ dặn - cô dặn ngày mai làm gì?

- Chỉ số 111. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.
- Cho bé Biết lịch - đồng hồ dùng để làm gì?
- Phụ huynh thường xuyên hỏi bé, khuyến khích bé Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ.

G.KẾ HOẠCH VUI CHƠI

TRÒ CHƠI SÁNG TẠO

I. TRÒ CHƠI XÂY DỰNG :

1/ Hoạt động kiến tạo mô hình:

Ý tưởng xây dựng:

- Hình dung tương đối rõ ràng trước khi chơi : tên gọi, cấu trúc công trình đơn giản.
- Hình dung rõ ràng trước khi chơi : tên gọi, cấu trúc, vật liệu sẽ sử dụng.
- Có ý tưởng về mô hình sẽ xây dựng trước khi chơi.
- Có ý tưởng về MHXD độc đáo, khác lạ.
- Trẻ biết tính toán, cân nhắc từ đầu định làm gì, những đồ chơi vật liệu, cái nào làm trước, cái nào làm sau, nếu chơi chung với bạn thì sẽ phân công như thế nào?
- Có khả năng thực hiện công trình theo sơ đồ đơn giản.
- Có khả năng thực hiện công trình phức tạp, chi tiết hơn.
- Tự phác hoạ sơ đồ với sự hỗ trợ giúp đỡ của cô.

Kỹ năng xây dựng:

- Sử dụng nhiều vật liệu khác nhau để xây dựng mô hình.
- Biết sử dụng các loại “vật liệu xây dựng” khác nhau để “gia công” và phát triển mô hình xây dựng.
- Giải quyết tình huống có vấn đề đặt ra khi chơi (khi thiếu vật liệu biết dùng vật thay thế).
- Đặt các chi tiết sát cạnh, chồng khít liên tục với nhau. tính đến các yêu cầu cho trước về độ lớn về tương quan vị trí với các vật khác ở không gian bên ngoài.

- Phối hợp các hành động xếp chồng và đặt các chi tiết hình khối cạnh nhau để tạo ra mô hình cao và thuần thực hơn, nhiều chi tiết hơn.

- Sửa sang, thêm vào các chi tiết làm cho mô hình đẹp hơn, hài hòa cân đối hơn.

- Trò chơi có sự đan xen với trò chơi khác (xây nhà chơi gia đình, làm sân khấu đóng kịch).

- Sáng tạo trong phối hợp các thao tác xếp chồng và đặt cạnh để tạo ra mô hình xây dựng hình khối đặc.

- Xây dựng mô hình có không gian rộng để chứa đựng chi tiết bên trong.

Quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc:

- Trẻ biết cảm nhận sự cân đối hài hòa về hình dạng kích thước.

- Sắp xếp các chi tiết công trình xây dựng cách hài hoà, cân đối.

- Trẻ quan tâm đến sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc.

- Biết điều chỉnh tạo sự hài hòa cân đối của mô hình về hình dạng kích thước và màu sắc cho phù hợp.

2/ Mô hình xây dựng:

- Mô hình là những công trình đơn lẻ nhưng có cấu trúc vững chắc.

- Mô hình là công trình với nhiều hạng mục liên quan với nhau.

- Mô hình phát triển trong không gian ba chiều

- Mô hình hài hòa cân đối: trẻ quan tâm đến tỉ lệ kích thước giữa các bộ phận công trình.

- Mô hình sắc sảo (hoạ tiết trang trí, hài hoà về màu sắc, kích thước) vững chãi

- Mô hình có chi tiết độc đáo khác lạ

3/ Phối hợp với bạn trong nhóm chơi:

Biểu hiện:

- Quan hệ với trẻ bình đẳng hợp tác có thái độ thân mật hòa nhã với bạn khi chơi

- Biết chơi cùng nhau, không tranh giành đồ chơi
- Hứng thú tham gia trò chơi cùng với bạn
- Biết rủ nhau cùng chơi, thoả thuận về MHXD với sự gợi ý hỗ trợ của cô.
- Thực hiện vai chơi theo đúng sự phân công của nhóm.
- Mô hình có chi tiết độc đáo khác lạ
- Trao đổi và lắng nghe ý kiến của nhau.
- Xem mô hình xây dựng là kết quả chung của cả nhóm.
- Cùng nhau thu dọn đồ chơi sau khi chơi.

Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi :

- Có sự phối hợp tương đối bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm chơi.
- Phối hợp bình đẳng giữa các thành viên trong nhóm
- Nhóm chơi tương đối có sự liên kết với nhau.
- Nhóm chơi liên kết.

Nhóm chơi quen thuộc với nhau:

- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.

4/ Khả năng tự lực khi chơi:

- Trẻ chơi cần có sự trợ giúp thường xuyên của giáo viên.
- Trẻ chủ động chơi nhưng vẫn có sự gợi ý của giáo viên.
- Trẻ tự chơi ở mức chủ động.
- Có sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi.

Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi qui định "

II. TRÒ CHƠI GIẢ BỘ CÓ CỐT CHUYỆN

1. Nội dung cốt chuyện của trò chơi (NDCC)

- Hiện thực đa dạng được phản ánh trong trò chơi: Sinh hoạt của trẻ, ngành nghề lao động của người lớn, sự kiện xã hội, sự kiện giả tưởng...
- Trẻ chơi một cách tự do.

- Trẻ chơi ngẫu hứng.
- Chơi có NDCC: Đề tài sinh hoạt thường ngày, sự kiện đã từng xảy ra với trẻ
- Mở rộng đề tài lao động
- Đề tài chơi phản ánh cả đời sống chính trị - xã hội.
- Ý tưởng chơi độc đáo, đa dạng.
- Mức độ phong phú của các tình tiết NDCC
- NDCC đơn giản
- Xuất hiện thêm 1 số tình tiết
- Trẻ chơi với NDCC chứa đựng những yếu tố tưởng tượng
- phong phú, đa dạng "
- Mức độ sâu sắc của NDCC
- Nội dung chơi của trẻ chứa đựng nhiều biểu hiện tính chất quan hệ, thái độ, tính cách của mọi người
- Các diễn biến của nội dung chơi ngày càng hợp lý, mạch lạc và chủ động "
- Trẻ chơi với những hành động kế tiếp nhau ngày càng mạch lạc, tạo thành chuỗi tình tiết bằng cốt chuyện chơi. Có sự gắn kết giữa các tình tiết của NDCC
- Khi tham gia TC, trẻ tạo nên sự gắn kết độc đáo, sáng tạo giữa các tình tiết của NDCC"
- Có những tình tiết độc đáo từ nhiều nguồn phong phú
- Trẻ chơi với những tình tiết đơn giản chưa phong phú.
- NDCC chứa đựng các tình tiết sáng tạo, ngẫu hứng.
- Biết tạo ra những tình tiết bất ngờ, thú vị trong quá trình chơi

2. Kỹ năng chơi giả bộ

- Tình huống giả bộ (THGB) đa dạng, phong phú
- Trẻ chơi với tình huống giả bộ 1 cách ngẫu hứng hoặc do cô gợi ý.
- Trẻ sử dụng tình huống quen thuộc để giải thích hành động chơi

- Trẻ chơi với tình huống tưởng tượng. Tự đưa ra tình huống ngày càng phong phú để chơi tiếp
- Sử dụng vật thay thế trong trò chơi khi có nhu cầu.
- Trẻ sử dụng VTT để chơi khi được sự gợi ý của cô.
- Trẻ dùng một đồ vật thay cho một vài đồ vật khác Tự đưa thêm VTT khi chơi ngày một nhiều: biết dùng một
- vài đồ vật thay cho một vật"
- Đóng vai người khác khi chơi
- Trẻ đóng được một số vai người khác khi chơi, thể hiện nhiều hành động khác nhau khi chơi
- Biết nhận vai, xưng vai khi chơi, chơi nhiều vai khác nhau
- Thực hiện những hành động phù hợp với vai chơi đã nhận
- Linh hoạt thay đổi vai chơi phù hợp THGB
- Trẻ thay đổi vai chơi khi thấy không phù hợp.
- Trẻ biết đổi vai chơi với bạn tùy vào tình huống chơi.
- Linh hoạt đổi vai chơi tùy thuộc vào sự phát triển của NDCC
- Biểu hiện sáng tạo, độc đáo của THGB, trong sử dụng VTT hoặc trong việc thực hiện các hành động vai (ngôn ngữ, hành động, nét mặt...)
- Biết thể hiện hành động vai nhưng chưa có sự sáng tạo.
- Trẻ biết thể hiện hành động vai và biết sử dụng VTT phù hợp với tình huống chơi
- " + Biết tự kết hợp một số hành động thành một cốt chuyện cho trò chơi"
- Sáng tạo trong việc sử dụng VTT và sử dụng nhiều phương tiện để thể hiện: đồ chơi, hành động, điệu bộ, nét mặt, giọng nói...

3. Phối hợp với bạn trong tổ chức trò chơi

- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về trò chơi và chuẩn bị đồ chơi, nơi chơi....cho trò chơi chung"
- Trẻ chơi một mình.
- Trẻ biết rủ bạn cùng chơi

- Tự rủ nhóm bạn cùng chơi, biết cách phối hợp với bạn để tổ chức TC chung
- Trước khi chơi, trẻ tự thỏa thuận vai chơi, nội dung chơi cùng chuẩn bị đồ chơi, sắp xếp nơi chơi"
 - Phối hợp trong nhóm khi chơi: chia sẻ/lắng nghe/chấp thuận ý tưởng của bạn; phối hợp hành động phù hợp tình huống chơi
 - Trẻ chưa kết nhóm khi chơi.
 - Chấp nhận bạn chơi chung và chơi cùng bạn.
 - Biết lắng nghe ý kiến của bạn.
 - Thể hiện thái độ thân ái, giúp đỡ bạn. Chia sẻ với bạn chơi tình huống tưởng tượng và tiếp nhận tình huống đó từ bạn
 - Quan tâm đến hứng thú, ý tưởng của bạn.
 - Biết phối hợp hành động chơi cùng với bạn
 - Cùng kết thúc, thu dọn đồ chơi
 - Trẻ tự thu dọn đồ chơi sau khi chơi
 - Có sự hỗ trợ nhau khi kết thúc giờ chơi: cùng thu dọn đồ chơi
 - Nhắc nhở bạn thu dọn đồ chơi.
 - Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi (bình đẳng/không bình đẳng); nhóm chơi liên kết, rời rạc
 - Chưa có sự phối hợp với bạn chơi.
 - Các thành viên trong nhóm chơi có sự phối hợp, liên kết nhưng không thường xuyên
 - Trẻ liên kết với nhau thường xuyên hơn để thực hiện hành động chơi
 - Trẻ biết phối hợp ăn ý với nhau để cùng chơi.
 - Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới.
 - Trẻ chưa chơi với nhóm, không chấp nhận bạn mới chơi chung
 - Trẻ chơi với các bạn trong nhóm chơi quen thuộc.
 - Chấp nhận và có sự hỗ trợ bạn mới khi bạn gia nhập nhóm

4. Khả năng tự lực khi chơi

- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động, ở mức “chủ động nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV” và ở mức “cần sự trợ giúp thường xuyên của GV
- Trẻ chơi nhưng cần sự trợ giúp thường xuyên của GV.
- Tự chơi nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV.
- Tự thành lập nhóm chơi và phân vai chơi.
- Trẻ chơi hoàn toàn chủ động: biết bắt đầu và triển khai trò chơi
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi
- Tự chơi nhưng có sự gợi ý, hỗ trợ của GV.
- Biết xử trí tình huống phát sinh trong khi chơi.
- Nảy sinh ý tưởng cốt chuyện để chơi, tự xác lập và tuân theo các qui tắc chơi
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn đẹp và đúng nơi quy định
- Trẻ có thói quen tự lấy, cất đồ chơi.
- Trẻ biết sắp xếp đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng, ngăn nắp và đúng nơi quy định"

B. TRÒ CHƠI CÓ LUẬT:

1. Thực hiện hành động chơi:

- Nỗ lực, hứng thú:
- Làm quen với bạn, trò chơi, khu vực chơi.
- Thích tham gia trò chơi.
- Hứng thú khi tham gia trò chơi, chơi 1 cách tích cực.
- Cố gắng thực hiện nhiệm vụ.
- Chủ động rủ nhau chơi.
- Chủ động thỏa thuận lựa chọn nội dung trò chơi.
- Tự nghĩ ra cách chơi, luật chơi khi tham gia chơi.
- Đúng phù hợp với mục tiêu:
- Thực hiện đúng cách chơi, luật chơi theo yêu cầu của trò chơi.

- Thực hiện đúng cách chơi, luật chơi theo sự thỏa thuận.
- Thành thạo (trò chơi quen thuộc).
- Thành thạo trò chơi quen thuộc.
- Sáng tạo những trò chơi quen thuộc.
- Hợp lí :
- Thực hiện hành động phù hợp với trò chơi.
- Hoạt động chơi có mức độ phức tạp phù hợp
- Hoạt động chơi có mức độ phù hợp.
- Hoạt động chơi có mức độ khó dần.

2. Tuân thủ qui tắc chơi:

- Thực hiện luật chơi theo sự kiểm soát của cô.
- Trẻ tự giám sát lẫn nhau và tự lực thực hiện đúng theo luật chơi- cách chơi.
- Qui định cách chơi và trình tự hành động
- Qui định sự phối hợp hành động giữa các thành viên của trò chơi.
- Qui định giới hạn không gian hoặc loại trừ 1 số kiểu hành động.
- Qui định cách thưởng phạt.

3. Phối hợp với bạn:

- Biểu hiện:
- Rủ nhau chơi, thỏa thuận về cách chơi:
- Rủ các bạn trong nhóm bạn bé thích.
- Rủ những bạn có cùng sở thích tham gia trò chơi.
- Khi chơi thực hiện như thỏa thuận:
- Thỏa thuận chơi theo luật chơi.
- Thay đổi luật chơi theo trẻ.
- Nhắc nhở, chia sẻ và lắng nghe ý kiến của nhau:
- Quan sát và nhắc nhở bạn.

- Chấp nhận sửa sai theo luật chơi.
- Nhường nhịn vì trò chơi chung.
- Hứng thú khi được chơi với nhau.
- Có sự phối hợp giữa các thành viên trong nhóm chơi, thực hiện nội dung chơi trong quá trình chơi.
- Nhóm chơi quen thuộc, chấp nhận bạn mới:
- Chơi với nhóm quen thuộc.
- Chấp nhận bạn khác gia nhập
- Mời bạn cùng chơi.

4. Khả năng tự lực khi chơi:

- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi đúng nơi qui định.
- Có thói quen tự lấy và cất đồ chơi nhanh nhẹn, gọn gàng.
- Tự chơi ở mức chủ động có sự gợi ý hỗ trợ của giáo viên.
- Tự chơi ở mức hoàn toàn chủ động.
- Sáng kiến trong việc tổ chức trò chơi.